

KHBH MÔN CÔNG NGHỆ 6- HK II

Soạn ngày: 12/01/2024

Ngày giảng: 17/01/2024

TIẾT 19. THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính
- Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.

+ HS khuyết tật: Biết được một vài nhóm thực phẩm thường dùng, đọc được tên thực phẩm thông dụng

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể.
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung

- Năng lực tự chủ, tự học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm - Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. bài tập. Ảnh, power point.

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm - Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ôn định lớp

Tiến trình bài dạy

Hoạt động 1: Khởi động

a. *Mục tiêu*: Dẫn dắt vào bài mới; nhận biết tên chính xác của một số loại thực phẩm thông dụng.

b. *Nội dung*: Giới thiệu nội dung bài học

c. *Sản phẩm*: Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thông dụng		Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.
		
GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút để viết tên của của các loại thực phẩm được trình chiếu. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. HS khuyết tật : lắng nghe, theo dõi		
Kết luận và nhận định		

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Mặc dù có nhiều loại thực phẩm phục vụ nhu cầu ăn uống của con người. Nhưng các loại thực phẩm đó có 5 chất dinh dưỡng đó là chất đạm, chất béo, chất đường và tinh bột, chất vitamin và chất khoáng. Cụ thể các loại thực phẩm đó chứa chất dinh dưỡng nào, có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	
---	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 1. Tìm hiểu về nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo.

- Mục tiêu:** Nhận biết được một số thực phẩm chính. Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. + **HS khuyết tật:** Biết được thực phẩm giàu đạm, giàu chất đường, bột, giàu chất béo
- Nội dung:** Một số nhóm thực phẩm chính: Nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo.
- Sản phẩm:** Xếp loại các loại thực phẩm vào cùng một nhóm. Báo cáo hoạt động nhóm
- Tổ chức hoạt động**

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt			
Nhiệm vụ 1. Nhận biết được một số thực phẩm chính					
Chuyển giao nhiệm vụ					
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm thông dụng		I. Một số nhóm thực phẩm chính Thực phẩm chia làm các nhóm: Nhóm thực phẩm cung cấp chất đường, chất tinh bột; nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm; nhóm thực phẩm cung cấp chất béo; nhóm thực phẩm cung cấp vitamin; nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng			
					
Gạo	Thịt lợn			Thịt gà	Cá

	 	
Mỡ lợn	Rau muống	Cà chua
		
		
Đường	Bưởi	Lạc
TV		Dầu
Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái		

của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút phân loại các loại thực phẩm trên thành các nhóm thực phẩm và đặt tên cho chúng		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS xem hình ảnh chiếu HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.		
Nhiệm vụ 2. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm, nhóm thực phẩm giàu chất đường bột, nhóm thực phẩm giàu chất béo		
Chuyển giao nhiệm vụ		

GV chia lớp làm thành 6 nhóm. GV phát cho mỗi nhóm 01 giấy A0. Nhiệm vụ của mỗi nhóm là tìm hiểu về một chất dinh dưỡng cụ thể. - Nhóm 1, 2: Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường + Nguồn gốc: + Chức năng: - Nhóm 3,4: Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm + Nguồn gốc: + Chức năng: - Nhóm 3: Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo + Nguồn gốc: + Chức năng: HS nhận nhiệm vụ.	1.Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường và chất xơ - Nguồn gốc: ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa, mật ong, trái cây chín, rau xanh – - Chức năng: nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể. Chất xơ hỗ trợ cho hệ tiêu hoá. 2. Nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm - Nguồn gốc: thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa, các loại đậu, hạt điều. - Chức năng là thành phần dinh dưỡng để cấu thành cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt. 3.Nhóm thực phẩm cung cấp chất béo - Nguồn gốc: mỡ động vật, dầu thực vật, bơ. - Chức năng: cung cấp năng lượng cho cơ thể, tích trữ dưới da ở dạng lớp mỡ để bảo vệ cơ thể và giúp
chuyển hoá một số loại vitamin.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS hình thành nhóm; nhận giấy A0. HS tiến hành thảo luận, trao đổi, thống nhất với nhau, hoàn thành yêu cầu nội dung của GV đề ra.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm treo sản phẩm của nhóm về góc làm việc của từng nhóm. Nhóm cử đại diện trình bày đề GV và các bạn nhận xét. HS trình bày sản phẩm của nhóm, lắng nghe nhận xét của GV và các bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Nội dung 2: Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin ; nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng

a. *Mục tiêu*: Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người

+ **HS khuyết tật**: Biết các nhóm thực phẩm cung cấp vita min, cung cấp chất khoáng.

b. *Nội dung*: Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin, nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng

c. *Sản phẩm*: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin		
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	4. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin	
	- Vitamin có vai trò tăng cường hệ miễn dịch, tham gia vào quá trình chuyển hoá các chất giúp cơ thể khoẻ mạnh . - Nguồn cung cấp và vai trò của một số vitamin	
	Loại vitamin	Nguồn thực phẩm cung cấp
	Vitamin A	- Trứng, bơ, dầu cá. - Ớt chuông, cà rốt, cà tím.
		Vai trò chủ yếu
		- Giúp làm sáng mắt. - Làm chậm quá trình lão hoá của cơ thể.
		Vitamin B
		- Ngũ cốc, cà chua. - Thịt lợn, thịt bò, gan, trứng, sữa, cá.
		- Kích thích ăn uống. - Góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh.

	Vitamin c	- Các loại hoa quả có múi, có vị chua như cam, bưởi, chanh,... - Các loại rau xanh, cà chua.	- Làm chậm quá trình lão hoá. - Làm tăng sức bền của thành mạch máu.
	Vitamin D	- Bơ, sữa, trứng, dầu cá. - Các loại nấm.	- Cùng với canxi giúp kích thích sự phát triển của hệ xương.
	Vitamin E	- Gan. - Hạt nảy mầm. - Dầu thực vật.	- Tốt cho da. - Bảo vệ tế bào.
Thực hiện nhiệm vụ			
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PH T1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn.			

HS chấm điểm PHT1 của bạn.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn. HS Khuyết tật: Theo dõi, ghi nhớ		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.		
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng		
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV đưa ra PHT2 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	4. Nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng t - Chất giúp cho sự phát triển của xương, hoạt của cơ bắp, cấu tạo hồng cầu,... chất động - khoáng có vai trò riêng đối với cơ thể Mỗi loại và phần đều có trong thực phẩm	
	Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp
	Sắt	- Thịt, cá, gan, trứng. - Các loại đậu.
	Canxi	- Sữa, trứng. - Rau xanh.
	Iốt	- Các loại hải sản, dầu cá.
		Vai trò chủ yếu
		Tham gia vào quá trình cấu tạo hồng cầu trong máu.
		Giúp cho xương và răng chắc khỏe.
		Tham gia vào quá trình cấu tạo hormone tuyến giáp, giúp phòng tránh bệnh bướu cổ.
Thực hiện nhiệm vụ		
HS nhận PHT2 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT2 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT2 của bạn. HS chấm điểm PHT2 của bạn.		

Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn. HS Khuyết tật: Theo dõi, ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về thực phẩm và dinh dưỡng

HS Khuyết tật: Theo dõi, ghi nhớ

b. Nội dung: Thực phẩm và dinh dưỡng

c. Sản phẩm: Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1: Hãy sắp xếp các thực phẩm dưới đây vào các nhóm sau: Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường và chất xơ; nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm; nhóm thực phẩm cung cấp chất béo.     Tôm Thịt bò Ngô Gạo tẻ		Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.

  			
			
Bơ cải	Khoai lang	Mỡ lợn	Rau bắp
1. HS nhận nhiệm vụ.			
Thực hiện nhiệm vụ			
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.			
Báo cáo, thảo luận			
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.			
HS Khuyết tật: Theo dõi, ghi nhớ			
Kết luận và nhận định			
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.			
GV khen bạn có kết quả tốt nhất.			
HS nghe và ghi nhớ.			
Hoạt động 4: Vận dụng			
<i>a. Mục tiêu:</i> Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.			
<i>b. Nội dung:</i> Thực phẩm và dinh dưỡng			
<i>c. Sản phẩm:</i> Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.			
<i>d. Tổ chức thực hiện:</i>			
Hoạt động của GV và HS			Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ			
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Hãy quan sát và kể tên các thực phẩm gia đình em hay sử dụng trong một tuần. Em có nhận xét gì về việc sử dụng			Bản ghi trên giấy A4.

thực phẩm của gia đình mình?. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung. HS Khuyết tật: Theo dõi, ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại vitamin	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Vitamin A		
Vitamin B		
Vitamin C		
Vitamin D		
Vitamin E		

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 2. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Sắt		

Canxi		
lốt		

TUẦN 20 Tiết 20	CHƯƠNG II. BỮA ĂN TRONG GIA ĐÌNH BÀI 4. THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG (TT)	NS: 19/01/2024
-----------------------	---	----------------

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC:

1. Kiến thức

- Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.

+ HS Khuyết tật: Biết được ý nghĩa của thực phẩm đối với cơ thể

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được một số nhóm thực phẩm chính. Nhận biết được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người.

- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được thực phẩm phù hợp với cơ thể.

- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống. **2.2. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến thực phẩm và dinh dưỡng, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.

- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU 1. Chuẩn bị của giáo viên

- Giấy A4. Phiếu học tập. bài tập.

- Tranh về thực phẩm trong gia đình

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm - Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

Ổn định lớp:

Tiến trình bài dạy Hoạt động 1: Giới thiệu bài mới

a. *Mục tiêu:* Dẫn dắt vào bài mới; nhận biết tên chính xác của một số loại thực phẩm giàu chất khoáng.

b. *Nội dung:* Giới thiệu nội dung bài học

c. *Sản phẩm:* Đọc tên được một số loại thực phẩm giàu chất khoáng.

d. *Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV đưa ra hình ảnh về một số loại thực phẩm giàu chất khoáng. 		Đọc tên được một số loại thực phẩm thông dụng.
GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút để viết tên của của các loại thực phẩm được trình chiếu. HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.		
Báo cáo, thảo luận		
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: Lắng nghe		
Kết luận và nhận định		

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Mặc dù có nhiều loại thực phẩm phục vụ nhu cầu ăn uống của con người. Nhưng các loại thực phẩm đó có 5 chất dinh dưỡng đó là chất đạm, chất béo, chất đường và tinh bột, chất vitamin và chất khoáng. Cụ thể các loại thực phẩm đó chứa chất dinh dưỡng nào, có vai trò như thế nào đối với cơ thể con người chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	
---	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nội dung 2: Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin ; nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng

a.Mục tiêu: Trình bày được giá trị dinh dưỡng, ý nghĩa của các nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. Biết thực phẩm giàu chất khoáng

+ HS khuyết tật: Lắng nghe, biết được ít nhất 2 thực phẩm giàu chất khoáng

b. Nội dung: Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin, nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin	
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	4. Nhóm thực phẩm cung cấp vitamin	
	- Vitamin có vai trò tăng cường hệ miễn dịch, tham gia vào quá trình chuyển hoá các chất giúp cơ thể khoẻ mạnh .	
	- Nguồn cung cấp và vai trò của một số vitamin	
	Loại vitamin	Vai trò chủ yếu
	Vitamin A	Giúp làm sáng mắt. - Làm chậm quá trình lão hoá của cơ thể.
	Vitamin B	Kích thích ăn uống. Góp phần vào sự phát triển của hệ thần kinh.
	Vitamin c	Làm chậm quá trình lão hoá. Làm tăng sức bền của thành mạch máu.
	Vitamin D	Cùng với canxi giúp kích thích sự phát triển của hệ xương.
	Vitamin E	Tốt cho da. Bảo vệ tế bào.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn. + HS khuyết tật: Lắng nghe, ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng	
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV đưa ra PHT2 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	4. Nhóm thực phẩm cung cấp chất khoáng		
	- Chất khoáng giúp cho sự phát triển của xương, hoạt động của cơ bắp, cấu tạo hồng cầu,... - Mỗi loại chất khoáng có vai trò riêng đối với cơ thể và phần lớn đều có trong thực phẩm		
	Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
	Sắt	- Thịt, cá, gan, trứng. - Các loại đậu.	Tham gia vào quá trình cấu tạo hồng cầu trong máu.
	Canxi	- Sữa, trứng. - Rau xanh.	Giúp cho xương và răng chắc khỏe.
	Iốt	- Các loại hải sản, dầu cá. - Muối iốt.	Tham gia vào quá trình cấu tạo hooc môn tuyến giáp, giúp phòng tránh bệnh bướu cổ.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT2 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT2 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT2 của bạn. HS chấm điểm PHT2 của bạn. + HS khuyết tật : Lắng nghe	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập

- a.Mục tiêu: củng cố kiến thức về thực phẩm và dinh dưỡng + **HS khuyết tật**: Lắng nghe, ghi nhớ kiến thức
- b. Nội dung: Thực phẩm và dinh dưỡng
- c. Sản phẩm: Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.
- d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
-------------------------------	-------------------------

Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau:	Xếp được các loại thực phẩm vào các nhóm.
Bài tập 1: Hãy sắp xếp các thực phẩm dưới đây vào các nhóm sau: Nhóm thực phẩm cung cấp chất tinh bột, chất đường và chất xơ; nhóm thực phẩm cung cấp chất đạm; nhóm thực phẩm cung cấp chất béo.         Tôm Thịt bò Ngô Gạo tẻ Bơ Khoai lang Mỡ lợn Rau bắp cải	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.	
Báo cáo, thảo luận	
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: Lắng nghe	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng

- a. Mục tiêu:* Mở rộng kiến thức vào thực tiễn. **+ HS khuyết tật:** Lắng nghe
- b. Nội dung:* Thực phẩm và dinh dưỡng
- c. Sản phẩm:* Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.
- d. Tổ chức thực hiện:*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Hãy quan sát và kể tên các thực phẩm gia đình em hay sử dụng trong một tuần. Em có nhận xét gì về việc sử dụng thực phẩm của gia đình mình?. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại vitamin	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Vitamin A		
Vitamin B		
Vitamin C		
Vitamin D		
Vitamin E		

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 2. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Loại chất khoáng	Nguồn thực phẩm cung cấp	Vai trò chủ yếu
Sắt		
Canxi		

lốt		
-----	--	--

Tuần 21,22,23 Tiết 21, 22, 23	PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM	NS: 27/1/2024
----------------------------------	---	---------------

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

Kiến thức

- Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.
- Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến. - Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.
- **HS khuyết tật: Biết bảo quản và chế biến một số thực phẩm đơn giản**

Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ -

Nhận thức công nghệ:

Nhận biết được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm. Nhận biết được một số phương pháp bảo quản, chế biến thực phẩm phổ biến. Nhận biết được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng công nghệ: Thực hiện các biện pháp giữ vệ sinh an toàn thực phẩm. Lựa chọn và chế biến được món ăn đơn giản theo phương pháp không sử dụng nhiệt
- Đánh giá công nghệ: Đưa ra nhận xét cho sự phù hợp về dinh dưỡng cho một thực đơn ăn uống.

2.2. Năng lực chung -

Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến bảo quản và chế biến thực phẩm, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh một số món ăn và cách chế biến 1 số món ăn - Phiếu học tập 2. **Chuẩn bị của HS**
- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm - Học bài cũ. Đọc trước bài mới.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Ổn định lớp

2. Các hoạt động dạy và học:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

- Mục tiêu:* Dẫn dắt vào bài mới
- Nội dung:* Giới thiệu nội dung bài học
- Sản phẩm:* Hoàn thành nhiệm vụ.
- Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số món ăn  GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và cho biết thực phẩm đã được bảo quản và chế biến thành món ăn ngon như thế nào? HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và nêu tên đúng loại thực phẩm. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Thực phẩm phải bảo quản chu đáo, cẩn thận; chế biến đa dạng, phong phú; cung cấp đủ chất dinh dưỡng và năng lượng cho cơ thể. Vậy cần tiến hành bảo quản và chế biến thực phẩm như thế nào thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	
---	--

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1. Tìm hiểu khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm

a. *Mục tiêu:* Nêu được vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.

Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm. + HS **khuyết**

tật: Biết cách bảo quản thực phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm b. *Nội dung:* Vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm.

c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của bảo quản thực phẩm	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát	I. Khái quát về bảo quản và chế biến thực phẩm 1. Vai trò, ý nghĩa của bảo quản và chế biến thực phẩm - <i>Bảo quản thực phẩm</i> có vai trò làm chậm quá trình thực phẩm bị hư hỏng, kéo dài thời gian sử dụng mà thực phẩm vẫn được đảm bảo chất lượng và chất dinh dưỡng.

 Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau 1. <i>Thực phẩm có thể bị hư hỏng do những nguyên nhân nào?</i> 2. <i>Làm thế nào để hạn chế các tác nhân gây hư hỏng thực phẩm</i> <i>HS nhận nhiệm vụ.</i>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem hình ảnh chiếu HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu vai trò, ý nghĩa của chế biến thực phẩm	
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát  Gạo  Cơm  Thịt lợn  Thịt kho tàu GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi sau: <i>Nêu cảm nhận của em về các thực phẩm trước và sau khi được chế biến ở trên?</i> <i>Vì sao nên chế biến thực phẩm trước khi sử dụng?</i> HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	- <i>Chế biến thực phẩm</i> là quá trình xử lý thực phẩm để tạo ra các món ăn được đảm bảo chất dinh dưỡng, sự đa dạng và hấp dẫn.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời được câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu an toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực

phẩm

a. *Mục tiêu:* Trình bày được những vấn đề cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ HS **khuyết tật: Biết nhận biết và loại bỏ các thực phẩm không an toàn** b.

Nội dung: An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm.

c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm an toàn thực phẩm	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu hình ảnh sau  GV Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau 1. <i>Thực phẩm trên có thể sử dụng trong bảo quản và chế biến không?</i> 2. <i>Thực phẩm cần đảm bảo yêu cầu như thế nào thì được đem bảo quản và chế biến?</i> HS quan sát hình ảnh và nhận nhóm.	2. An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm * Khái niệm an toàn thực phẩm - An toàn vệ sinh thực phẩm là các biện pháp, điều kiện cần thiết để giữ cho thực phẩm không bị biến chất; không bị chất độc, vi khuẩn có hại xâm nhập giúp bảo vệ sức khỏe con người
Thực hiện nhiệm vụ	

HS nhận nhóm, nhận giấy A0, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: Trả lời được các câu hỏi về nhận biết thực phẩm không an toàn	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm khi bảo quản và chế biến	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các biện pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến. Thời gian thảo luận 2 phút.	2. An toàn thực phẩm trong bảo quản và chế biến thực phẩm * Biện pháp đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến thực phẩm - Giữ thực phẩm trong môi trường sạch sẽ, có che đậy để tránh bụi bẩn và các loại côn trùng; - Để riêng thực phẩm sống và thực phẩm chín; - Rửa tay sạch trước khi chế biến thực phẩm; - Sử dụng riêng các loại dụng cụ dành cho thực phẩm sống và thực phẩm chín.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và sắp xếp đúng các biện pháp để đảm bảo an toàn thực phẩm khi bảo quản và chế biến GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số phương pháp bảo quản thực phẩm

a. Mục tiêu: Trình bày được một số phương pháp bảo quản thực phẩm phổ biến.

+ HS khuyết tật: **Biết một số cách bảo quản thực phẩm thường dùng** b. Nội dung:

Một số phương pháp bảo quản thực phẩm

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS thảo luận và hoàn thành PHT1 trong thời gian 5 phút.	<u>II. Một số phương pháp bảo quản thực phẩm</u> <u>1. Làm lạnh và đông lạnh</u>
HS nhận nhiệm vụ	- Làm lạnh và đông lạnh là phương pháp sử dụng nhiệt độ thấp ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn. - <i>Làm lạnh</i>: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ từ 1°C đến 7°C, thường được dùng để bảo quản thịt, cá, trái cây, rau củ,... trong thời gian ngắn từ 3 đến 7 ngày. - <i>Đông lạnh</i>: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ dưới 0°C, thường được dùng để bảo quản thịt, cá,... trong thời gian dài từ vài tuần đến vài tháng. <u>2. Làm khô</u> - Làm khô là phương pháp sử dụng nhiệt độ cao làm bay hơi nước có trong thực phẩm để ngăn chặn vi khuẩn làm hỏng thực phẩm - Áp dụng: dùng để bảo quản nông sản và thủy - hải sản. <u>3. Ướp</u> - Ướp là phương pháp trộn một số chất vào thực phẩm để diệt và ngăn ngừa sự phát triển của vi khuẩn làm hỏng thực phẩm. - Áp dụng: bảo quản các loại thực phẩm như thịt, cá

Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ tiến hành thảo luận, hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày. Đại diện nhóm nhận xét nhóm khác. Đại diện nhóm trình bày. Đại diện nhóm nhận xét nhóm khác. + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ. Ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

a. *Mục tiêu:* Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

+ HS khuyết tật: Làm được món ăn đơn giản có sử dụng nhiệt. b.

Nội dung: Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

c. *Sản phẩm:* Hoàn thành nhiệm vụ. Báo cáo nhóm.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chia lớp thành các nhóm.(8HS/nhóm) GV chia bảng làm 4 phần. Giáo viên giới thiệu: Một số phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt là luộc, kho, nướng, rán. Tương ứng tên 4 phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt được viết ở một phần bảng. GV phát cho mỗi nhóm học sinh các phiếu màu(mỗi nhóm 1 màu) có ghi cụm từ chỉ khái niệm, ưu và	III. Một số phương pháp chế biến thực phẩm 1.Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt a.Luộc - Khái niệm: Luộc là phương pháp làm chín thực phẩm trong nước, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt, trứng, hải sản, rau, củ,... - Ưu điểm: phù hợp chế biến nhiều loại thực phẩm, đơn giản và dễ thực hiện. - Hạn chế: một số loại vitamin trong thực phẩm có thể bị hoà tan trong nước. b. Kho

nhược điểm của từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp khái niệm, ưu và nhược điểm đúng với từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. Thời gian 4 phút. HS nhận nhiệm vụ.	- Khái niệm: Kho là làm chín thực phẩm trong lượng nước vừa phải với vị mặn đậm đà, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: cá, thịt, củ cải,... - Ưu điểm: món ăn mềm, có hương vị đậm đà. - Hạn chế: thời gian chế biến lâu. c. Nướng - Khái niệm: Nướng là làm chín thực phẩm bằng sức nóng trực tiếp của nguồn nhiệt, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt, cá, khoai lang, khoai tây - Ưu điểm: món ăn có hương vị hấp dẫn. - Hạn chế: thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất. D. Rán (chiên) - Khái niệm: Rán là làm chín thực phẩm trong chất béo ở nhiệt độ cao, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: thịt gà, cá, khoai tây, ngô - - Ưu điểm: món ăn có độ giòn, độ ngậy. - Hạn chế: món ăn nhiều chất béo.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân công nhiệm vụ, tiến hành thảo luận và hoàn thành nội dung yêu cầu của GV. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm lên dán phiếu màu đúng lên phần bảng tương ứng với khái niệm, ưu và nhược điểm của từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. Đại diện nhóm lên dán phiếu màu đúng lên phần bảng tương ứng với khái niệm, ưu và nhược điểm của từng phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	

Hoạt động 5: Tìm hiểu một số phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt

a. Mục tiêu: Trình bày được một số phương pháp chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt

+ HS khuyết tật: Biết chế biến ít nhất 2 món ăn không sử dụng nhiệt b.

Nội dung: Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt

c. Sản phẩm: Hoàn thành phiếu học tập. Báo cáo nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu nhóm thực phẩm cung cấp vitamin	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra PHT số 2 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút. HS nhận nhiệm vụ.	2. Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt a. Trộn hỗn hợp - Khái niệm: Trộn hỗn hợp là phương pháp trộn các thực phẩm đã được sơ chế hoặc làm chín, kết hợp với các gia vị tạo thành món ăn. Trộn dầu dấm, nộm,... là những món ăn được chế biến bằng phương pháp này. - Ưu điểm: dễ làm, thực phẩm giữ nguyên được màu sắc, mùi vị và chất dinh dưỡng. - Hạn chế: cầu kì trong việc lựa chọn, bảo quản và chế biến để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. b. Muối chua - Khái niệm: Muối chua là phương pháp làm thực phẩm lên men vi sinh trong thời gian cần thiết, được dùng để chế biến các loại thực phẩm như: rau cải bắp, rau cải bẹ, su hào. - Ưu điểm: dễ làm, món ăn có vị chua nên kích thích vị giác
	khi ăn. - Hạn chế: món ăn có nhiều muối, không tốt cho dạ dày
Thực hiện nhiệm vụ	

HS nhận PHT2 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT2 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT2 của bạn. HS chấm điểm PHT2 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	
Nhiệm vụ 2. Định hướng nghề nghiệp	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV chiếu một video về nghề đầu bếp cho HS GV yêu cầu HS xem và thảo luận trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi sau trong thời gian là 2 phút. ? Đầu bếp thường là công việc ở địa điểm nào? ? Nghề đầu bếp đòi hỏi những đặc tính nào HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	*Chuyên gia dinh dưỡng - Đầu bếp là tên gọi dành cho những người chế biến món ăn ở các nhà hàng, quán ăn, khách sạn,... - Nghề đầu bếp đòi hỏi sự tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn và trả lời câu hỏi. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: lắng nghe và ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào trong vở	

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:

a. Mục tiêu: củng cố kiến thức về bảo quản và chế biến thực phẩm

+ HS khuyết tật: Lắng nghe và thực hiện ở nhà b. Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm

c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1: .Em hãy cho biết những sản phẩm dưới đây được bảo quản bằng phương pháp nào. (Lưu ý: Một sản phẩm có thể được xử lí kết hợp nhiều phương pháp bảo quản).  Lạp xường Cá khô Các loại mứt HS nhận nhiệm vụ.		Hoàn thành được bài tập.
Thực hiện nhiệm vụ		
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.		
Báo cáo, thảo luận		
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.		
Kết luận và nhận định		
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.		

Bài tập 2:

Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau Bài tập 2: Cho 3 bữa ăn sau Hãy quan sát các món ăn có trong mâm cơm và cho biết các món ăn đó đã được chế biến bằng phương pháp nào? Có món ăn nào mà phương pháp chế biến chưa được giới thiệu ở trong bài?		Hoàn thành bài tập



GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.

Thực hiện nhiệm vụ

HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

+ HS khuyết tật: Lắng nghe, ghi nhớ

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG:

a. *Mục tiêu*: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. *Nội dung*: Bảo quản và chế biến thực phẩm

c. *Sản phẩm*: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

d. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Trong gia đình em thường hay sử dụng phương pháp bảo quản thực phẩm nào? Em có đề xuất sử dụng thêm phương pháp bảo quản nào không? Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	

HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1.

Phiếu học tập 1:

Câu 1. Em hãy điền những từ thích hợp vào chỗ trống

1. Làm lạnh và đông lạnh là phương pháp sử dụng

.....

2. Làm lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ từ 1°C đến 7°C, thường được dùng để bảo quản trong thời gian ngắn từ

3. Đông lạnh: Bảo quản thực phẩm trong khoảng nhiệt độ dưới 0°C, thường được dùng để bảo quản..... trong thời gian dài từ

Câu 2. Em hãy nêu cách tiến hành phương pháp làm khô? Phương pháp làm khô được áp dụng để bảo quản loại thực phẩm nào/

.....

.

.....

.....

.....

Câu 3. Em hãy nêu cách tiến hành phương pháp ướp? Phương pháp ướp được áp dụng để bảo quản loại thực phẩm nào/

.....

.

.....

.

.....

Phiếu học tập 2. Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Các phương pháp chế biến không sử dụng nhiệt	Trộn hỗn hợp	Muối chua
Khái niệm		
Ưu điểm		
Nhược điểm		

Ngày soạn: 1/3/2024 **Tuần 24, 25.**

BÀI 6. CHỦ ĐỀ: DỰ ÁN: BỮA ĂN KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

Thời lượng: 02 tiết (tiết 24, 25)

I. Mục tiêu

1. Kiến thức:

- Biết xây dựng thực đơn cho một bữa ăn hợp lý trong gia đình.
- Biết nhu cầu dinh dưỡng cho một bữa ăn trong gia đình hàng ngày, cho từng đối tượng.

+ HS **khuyết tật lắng nghe theo dõi, ghi nhớ.**

2. Năng lực:

* Năng lực chung

- Năng lực tự chủ và tự học:

+ Chủ động, tích cực tìm hiểu kiến thức, kỹ năng để thiết kế thực đơn một bữa ăn cho gia đình. Biết nhu cầu dinh dưỡng cho một bữa ăn trong gia đình hàng ngày.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:

+ Hình thành được nhóm, chủ động đề xuất mục đích hợp tác, lắng nghe và điều chỉnh được những sai sót của bản thân, phản biện, đánh giá các bài báo cáo trên nguyên tắc tôn trọng và xây dựng. - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:

- Năng lực giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp và hợp tác: Xác định được các yêu cầu, biết tìm hiểu các thông tin liên quan và đề xuất được giải pháp giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thiết kế thực đơn, thành phần dinh dưỡng của thực đơn của một bữa ăn gia đình. * Năng lực đặc thù - Nhận thức công nghệ:

+ Phát biểu được ý nghĩa của dự án

- + Tóm tắt được nhiệm vụ, cách thức tiến hành, đánh giá dự án
- Sử dụng công nghệ:
- + Lựa chọn được các loại thực phẩm phù hợp với gia đình của mình
- + Tính toán được nhu cầu năng lượng cần thiết trong một bữa ăn phù hợp với các thành viên trong gia đình - Đánh giá công nghệ:
- + Đánh giá được thực đơn đã hợp lý chưa, có đầy đủ các nhóm chất dinh dưỡng không, có phù hợp với các thành viên trong gia đình và điều kiện tài chính.
- Thiết kế kĩ thuật:
- + Thiết kế được thực đơn một bữa ăn thường ngày dành cho gia đình

3. Phẩm chất:

- Chăm chỉ: Ham học hỏi, tìm tòi tài liệu để mở rộng hiểu biết về dinh dưỡng, thực phẩm, cách chế biến các món ăn; Có ý thức vận dụng kiến thức về dinh dưỡng và nấu ăn vào cuộc sống hằng ngày
- Trách nhiệm: Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.
- Trung thực: Trung thực với nhiệm vụ của dự án, tự bản thân hoàn thành mà không cần sự trợ giúp của người thân trong gia đình. **II. Thiết bị dạy học và học liệu**
- Thiết bị dạy học: Tranh về thực phẩm trong gia đình. Video về bữa ăn trong gia đình.
- Học liệu: Phiếu học tập, SGK, SBT để thực hiện nhiệm vụ học tập và khai thác thông tin kiến thức. **III. Tiến trình dạy học**

Hoạt động 1: Mở đầu Giới thiệu, lập kế hoạch dự án

- a) Mục tiêu: Định hướng sự quan tâm của HS vào dự án.
- b) Nội dung: Nhằm khai thác những kinh nghiệm và hiểu biết của HS về chất dinh dưỡng có trong thực phẩm thông qua phiếu học tập số 1. Từ kết quả trả lời các câu hỏi của HS, GV xác định những kiến thức mà học sinh chưa biết, muốn biết về bữa ăn kết nối yêu thương, từ đó có hứng thú, động lực tìm hiểu kiến thức mới. c) Sản phẩm: Bản báo cáo kết quả thảo luận nhóm trả lời PHT1.
- d) Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 1. Giới thiệu nội dung bài:

- Giao nhiệm vụ học tập:
- GV phát PHT1 cho HS các nhóm, yêu cầu HS làm việc theo hình thức cá nhân và thảo luận nhóm.
- Thực hiện nhiệm vụ:
- HS suy nghĩ, nhớ lại những điều đã quan sát được, biết được để trả lời câu hỏi.

- Báo cáo, thảo luận:
- GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
- Kết luận, nhận định:
- GV nhận xét trình bày của HS.
- GV chốt lại kiến thức.
- GV dẫn dắt vào bài mới: Bữa ăn gia đình không chỉ cung cấp năng lượng cho cơ thể, giúp con người sống khỏe mạnh mà còn chứa đựng ý nghĩa sâu sắc về sự sum họp, là khoảnh khắc kết nối yêu thương giữa các thành viên trong gia đình.
- HS định hình nhiệm vụ HS.

Nhiệm vụ 2. Lập kế hoạch dự án

- Giao nhiệm vụ học tập:
- Từ phần trả lời của HS trên, GV chuyển sang hoạt động hình thành chủ đề dự án
- “Bữa ăn kết nối yêu thương”
- GV gợi ý các tiêu chủ đề và đưa ra các câu hỏi gợi ý.
- GV chia lớp làm 4 nhóm và phân công các nhóm thực hiện các tiêu chủ đề. - GV hướng dẫn, tổ chức cho HS để lập kế hoạch dự án như phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm ...
- Thực hiện nhiệm vụ:
- HS nhận nhóm, thực hiện nhiệm vụ GV giao, phân công nhiệm vụ, cách thức hoạt động nhóm, vai trò của từng thành viên trong nhóm.
- Báo cáo, thảo luận:
- Đại diện nhóm trình bày thành viên nhóm, phân công nhiệm vụ cho các nhóm, thời gian hoàn thành yêu cầu của các thành viên. + HS **khuyết tật lắng nghe theo dõi, ghi nhớ.**
- Kết luận, nhận định:
- GV nhận xét trình bày của HS.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Hoạt động của GV và HS	Nội dung
Nội dung 1: Học sinh lập kế hoạch dự án và thực hiện dự án(Thực hiện ở nhà)	

a) *Mục tiêu:* Nhằm hình thành kiến thức cho học sinh về bữa ăn kết nối yêu thương thông qua việc thu thập và tìm hiểu thông tin để thực hiện dự án b) *Nội dung:*

+ Xây dựng thực đơn bữa ăn để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng của cả gia đình đã tính toán.

+ Lập danh sách các thực phẩm và chuẩn bị bao gồm: Tên thực phẩm, khối lượng, giá tiền.

+ Lựa chọn và chế biến một món ăn có trong thực đơn

c) *Sản phẩm:* Các PHT 2 và bản ghi chép thảo luận nhóm.

d) *Tổ chức thực hiện:*

- *Giao nhiệm vụ học tập:*

- GV cung cấp cho HS phiếu hướng dẫn thực hiện từng nhiệm vụ của dự án của dự án.

- GV nêu nội dung, hình thức, thời hạn nộp sản phẩm, cách thức và nguồn tìm kiếm sản phẩm.

- *Thực hiện nhiệm vụ:*

- HS lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ trong nhóm.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, HS có thể hỏi ý kiến GV nếu cần thiết.

1. Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng

- Liệt kê các thành viên trong gia đình

2. Thực đơn bữa ăn hàng ngày Thực đơn một bữa cơm gia đình hằng ngày thường có: Cơm; món mặn; món rau; món canh; nước chấm; hoa quả tráng miệng

- HS thực hiện nhiệm vụ phân công theo kế hoạch và thực hiện thời gian 1 tuần. Tùy điều kiện, khả năng các em sẽ thu thập thông tin, tìm hiểu thực tiễn bằng cách quan sát, đọc sách tham khảo, tìm thông tin trên Internet, sau khi đã thu thập được các thông tin cần thiết, học sinh sẽ xây dựng sản phẩm của nhóm và cá nhân. - <i>Báo cáo, thảo luận:</i> - Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ của giáo viên đưa ra. + HS khuyết tật lắng nghe theo dõi, ghi nhớ. - <i>Kết luận, nhận định:</i> - GV nhận xét trình bày của HS. - GV chốt lại kiến thức. - HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	3. Danh sách chuẩn bị thực phẩm - Tùy món ăn trong thực đơn mà lựa chọn thực phẩm phù hợp. 4. Cách thực hiện một món ăn trong thực đơn - Lựa chọn một món ăn trong thực đơn mà thực hiện chế biến.
Nội dung 2: Báo cáo kết quả thực hiện dự án <i>a) Mục tiêu:</i> HS tổng hợp và hoàn thiện sản phẩm của nhóm. Thông qua đó sẽ phản ánh kết quả học tập của học sinh trong quá trình thực hiện dự án. <i>b) Nội dung:</i> - Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng. - Thực đơn cho một bữa ăn (trưa hoặc tối). - Danh sách chuẩn bị thực phẩm. - Cách thực hiện một món ăn có trong thực đơn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn trong quá trình thực hiện. <i>c) Sản phẩm:</i> Poster, giấy A0, báo cáo power Point. <i>d) Tổ chức thực hiện:</i>	

- <i>Giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV yêu cầu HS báo cáo kết quả thực hiện thông qua hình thức poster trên giấy A0 hoặc trình chiếu trên Power Point và sản phẩm. - <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> - Đại diện nhóm chuẩn bị báo cáo kết quả thực hiện dự án của nhóm mình theo từng tiêu chủ đề đã được giao từ tiết đầu dựa trên PHT và các thông tin thu thập được trong quá trình tìm hiểu và thu thập thông tin. - <i>Báo cáo, thảo luận:</i> - Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm khi thực hiện nhiệm vụ của giáo viên đưa ra.	1. Thực đơn bữa ăn hàng ngày Thực đơn một bữa cơm gia đình hằng ngày thường có: Cơm; món mặn; món rau; món canh; nước chấm; hoa quả tráng miệng. 2. Quy trình chế biến món ăn Bước 1: Sơ chế nguyên liệu Bước 2: Thực hiện chế biến món ăn Bước 3: Trình bày món ăn.
--	---

- <i>Kết luận, nhận định:</i> - GV nhận xét trình bày của HS. - GV chốt lại kiến thức. - HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nội dung 3: Đánh giá dự án	
a) <i>Mục tiêu:</i> Tổng kết lại kiến thức bài học. Đánh giá hoạt động của học sinh. b) <i>Nội dung:</i> Đánh giá kết quả thực hiện các tiểu dự án của học sinh c) <i>Sản phẩm:</i> Bảng đánh giá của GV và HS d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	

- <i>Giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV tổ chức cho học sinh tham gia đánh các tiểu dự án của các nhóm khác nhau. - <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> - GV hoàn thiện phiếu đánh giá của mình và yêu cầu các nhóm tự đánh giá và cho điểm các thành viên trong nhóm cũng như đánh giá kết quả của nhóm khác. - HS tự đánh giá trong nhóm một cách khác quan theo bảng phân công nhiệm vụ đã lập từ đầu. - <i>Báo cáo, thảo luận:</i> - Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm mình và kết quả của nhóm khác. + HS khuyến tạt lắng nghe theo dõi, ghi nhớ. - <i>Kết luận, nhận định:</i> - GV tổng hợp các phiếu đánh giá và công bố kết quả của từng nhóm và cũng như của từng HS. - GV tuyên dương, khen thưởng và ghi nhận sự cố gắng của các nhóm. - HS nghe và ghi nhớ.	Bảng đánh giá của GV và HS.
Hoạt động 3: Luyện tập	
a) <i>Mục tiêu:</i> <i>Củng cố kiến thức về dự án bữa ăn kết nối yêu thương.</i> b) <i>Nội dung:</i> <i>HS lên được thực ăn nấu bữa ăn kết nối yêu thương</i> c) <i>Sản phẩm:</i> <i>Hoàn thành được bài tập.</i> d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
- <i>Giao nhiệm vụ học tập:</i> - GV yêu cầu HS làm bài tập sau: <i>Bài tập 1:</i> <i>Hãy lên thực đơn cho bữa ăn:</i> - <i>Danh sách các thành viên trong gia đình với nhu cầu về dinh dưỡng.</i>	Hoàn thành được bài tập.

- Thực đơn cho một bữa ăn (trưa hoặc tối). - Danh sách chuẩn bị thực phẩm. - Cách thực hiện một món ăn có trong thực đơn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và an toàn trong quá trình thực hiện. - <i>Thực hiện nhiệm vụ:</i> - Thực hiện nhiệm vụ học tập. - <i>Báo cáo, thảo luận:</i> - GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. - Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe theo dõi, ghi nhớ. - <i>Kết luận và nhận định:</i> - GV nhận xét trình bày của HS. - GV chốt lại kiến thức.	
Hoạt động 4: Vận dụng	
a) <i>Mục tiêu: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.</i> b) <i>Nội dung: Bảo quản và chế biến thực phẩm</i> c) <i>Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.</i> d) <i>Tổ chức thực hiện:</i>	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: Trong gia đình em thường hay sử dụng phương pháp bảo quản thực phẩm nào? Em có đề xuất sử dụng thêm phương pháp bảo quản nào không ? Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	

PHỤ LỤC 1. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Xây dựng bộ câu hỏi gợi ý và các phiếu học tập

Phiếu học tập số 1.

Bảng 1. Bảng thành phần dinh dưỡng tính trên 100g của một số món ăn

Tên món ăn	Khối lượng thực phẩm (gam)	Năng lượng(kcal)
Cơm		
Cơm trắng	Gạo: 100	345
Món ăn mặn		
Thịt kho tiêu	Thịt lợn: 100	185
Thịt kho trứng	-Thịt lợn: 55 - Trứng vịt: 45	252
Gà kho gừng	-Thịt gà: 90 - Gừng: 10	243
Cá chuối kho	Cá chuối: 100	162
Sườn rang	Sườn lợn: 100	272
Trứng đúc thịt	-Thịt nạc: 70 - Trứng vịt: 30	277
Tép rang	Tép: 100	217
Món rau, món canh		
Bầu xào trứng	- Bầu: 84 - Trứng: 16	125
Giá đỗ xào thịt	- Giá đỗ: 50. Rau hẹ: 15 Thịt lợn: 35	99
Canh bắp cải	- Bắp cải: 90 - Thịt nạc băm: 10	67
Canh bí đao	- Bí đao: 90 - Thịt nạc băm: 10	53
Canh rau ngót	- Rau ngót: 80 - Thịt nạc băm: 20	116
Rau muống luộc	Rau muống: 100	23
Nước chấm		
Nước mắm	100	21
Nước tương	100	40
Trái cây		
Bưởi	100	31
Dưa hấu	100	16
Đu đủ	100	35

Bảng 2. Nhu cầu dinh dưỡng cho người Việt Nam trong một ngày để đảm bảo hoạt động ở mức độ trung bình, được tính bằng đơn vị kcal.

Lứa tuổi	Nam	Nữ
0 - 2 tháng	4 05	
3-5 tháng	5 05	
6-8 tháng	7 69	
9 -12 tháng	8 58	
1-3 tuổi	1 180	
4-6 tuổi	1470	
7-9 tuổi	1825	
10-12 tuổi	2110	
13-15 tuổi	2650	2205
16-18 tuổi	2980	2240
19-30 tuổi	2934	2154
31 - 60 tuổi	2634	2212
> 60 tuổi	2128	1962

1. Em hãy tính tổng nhu cầu dinh dưỡng của gia đình gồm bố mẹ có độ tuổi **31 - 60 tuổi; con 13-15 tuổi; con 4-6 tuổi**
2. Để xây dựng được thực đơn cho bữa ăn hàng ngày cần tuân theo nguyên tắc nào
3. Quy trình thực hiện chế biến món ăn?

Phiếu học tập số 2 Câu

1.

1. Thành viên của gia đình gồm những ai?
2. Tìm hiểu về nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình (tham khảo thông tin trong Bảng 6.1) và trình bày theo mẫu dưới đây

Thành viên	G ới	Độ t ổi	Nhu ầu dinh dưỡng/ 1 ngày

Câu 2. Tính tổng nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên trong gia đình cho một bữa ăn (giả định bằng 1/3 nhu cầu dinh dưỡng cả ngày)

Thành viên trong gia đình	Tổng nhu cầu dinh dưỡng của các thành viên ch0 1 bữa ăn

Câu 3: Xây dựng thực đơn bữa ăn hàng ngày để đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng cho cả nhà đã tính toán ở câu 2

- Cơm.
- Món mặn: - Món rau:
- Món canh
- Nước chấm:
- Hoa quả tráng miệng:

Câu 4: Lập danh sách các thực phẩm cần chuẩn bị bao gồm: tên thực phẩm, khối lượng, giá tiền.

Món ăn	Thực phẩm cần sử dụng	Số lượng	Giá tiền

Câu 5: Lựa chọn và chế biến một món ăn có trong thực đơn.

Tên món ăn:

Bước 1: Sơ chế nguyên liệu

.....
.....

[illegible]

.....

.....

.....

.....

.....

Hoạt động 2: Thực hiện ở nhà 1 tuần Hoạt động 3, 4: Tiết 2.

Danh sách và vị trí nhân sự:

Vị trí	Mô tả nhiệm vụ	Tên thành viên
Nhóm trưởng	Quản lí các thành viên trong nhóm, hướng dẫn, góp ý, đôn	
	đốc các thành viên trong nhóm hoàn thành nhiệm vụ	
Thư kí		
	Thành viên	
Thành viên		
Thành viên		

2. Phiếu đánh giá kết quả báo cáo dự án trước lớp

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 1: ĐÁNH GIÁ BẢN BÁO CÁO DỰ ÁN BỮA ĂN KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

Phiếu này được sử dụng để đánh giá nhóm khi báo cáo dự án bữa ăn kết nối yêu thương

TT	Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm đạt được
1. 1	Cấu trúc bài báo cáo đầy đủ nội dung, rõ ràng, chặt chẽ.	7	
2.	Diễn đạt tự tin trôi chảy, thuyết phục	2	
3.	Hình thức báo cáo đẹp, phong phú, hấp dẫn	1	
	Tổng điểm	10	

PHIẾU ĐÁNH GIÁ SỐ 2: ĐÁNH GIÁ SẢN PHẨM

Phiếu này được sử dụng để đánh giá nhóm khi giới thiệu sản phẩm món ăn kết nối yêu thương

Nhóm đánh giá:.....

TT	8 8 điểm	9 điểm	10 điểm
1	- Chưa phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi	- Phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi	- Phù hợp khẩu vị, tâm trạng và sức khỏe của các thành viên trong gia đình. - Nguyên liệu, món ăn phải được chế biến từ những thực phẩm tươi
	- ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn chưa được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng	- ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn chưa được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng	- ngon, hợp vệ sinh và tạo sự ngon miệng. - Gia vị trong món ăn phải được phối hợp đúng cách, đúng liều lượng

2	Món ăn được chế biến đúng quy trình	Món ăn được chế biến đúng quy trình	Món ăn được chế biến đúng quy trình
3	Chi phí cao hơn giá thành sản phẩm	Chi phí bằng giá thành sản phẩm	Chi phí thấp hơn giá thành sản phẩm

Ghi chú: Tiết 27: Ôn tập

Tiết 28: Kiểm tra giữa HK II I. MỤC TIÊU BÀI

HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

Kiến thức

- Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống.
 - Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.
- + HS khuyết tật: Nhận biết được một số loại trang phục, kể được tên một vài trang phục cơ bản

Năng lực

Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống.
 - Sử dụng công nghệ: Phân loại được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.
- #### **2.2. Năng lực chung**
- Năng lực tự chủ, tự học.

Tiết 26 + 29	CHƯƠNG III. TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG BÀI 7. TRANG PHỤC VÀ ĐỜI SỐNG	NS: 15/3/202
-------------------------	---	-------------------------

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến trang phục trong đời sống, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh một số loại trang phục
- Phiếu học tập

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm - Học bài cũ.
Đọc trước bài mới.

III. CHUỖI HOẠT ĐỘNG:

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau	Hoàn thành nhiệm vụ.
 ? Tại sao nói trang phục rất đa dạng và phong phú? Trang phục có thể được may từ những loại vải nào và có vai trò gì với đời sống con người? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Trang phục rất đa dạng và phong phú về màu sắc, hình dạng, chất liệu, kiểu may. Vậy trang phục có vai trò như thế nào đối với con người, được may từ những loại vải nào, để biết được thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.	

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC:

Hoạt động 1. Tìm hiểu vai trò của trang phục

- a. *Mục tiêu:* Nhận biết được vai trò của trang phục trong đời sống. + HS khuyết tật: Nhận biết được một số loại trang phục b.
Nội dung: Vai trò của trang phục trong đời sống.
c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu khái niệm trang phục	
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát



I. Vai trò của trang phục

- Trang phục là vật dụng cần thiết của con người, bao gồm các loại quần áo và một số vật dụng đi kèm như giày, thắt lưng, tất, khăn quàng, mũ,... Trong đó, quần áo là những vật dụng quan trọng nhất

Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau

1. Kể tên những vật dụng có trên người mẫu trên?
2. Vật dụng nào là quan trọng nhất?

HS nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS xem hình ảnh chiếu
HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút.
GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau.
HS đổi phiếu cho nhau.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn.
HS nhận xét bài làm của bạn

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.

Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu vai trò của trang phục

Chuyển giao nhiệm vụ

GV đưa ra PHT1 và yêu cầu HS hoàn thành trong thời gian 5 phút.

*Vai trò của trang phục
- Che chở, bảo vệ cơ thể con người khỏi một số tác động có hại của thời tiết và môi trường

HS nhận nhiệm vụ.	- Góp phần tôn lên vẻ đẹp của người mặc - Có thể biết được một số thông tin cơ bản về người mặc như sở thích, nghề nghiệp
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận PHT1 và hoàn thành phiếu. GV yêu cầu HS trao đổi PHT1 cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau. GV chiếu đáp án và yêu cầu HS chấm điểm PHT1 của bạn. HS chấm điểm PHT1 của bạn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài của bạn. HS nhận xét bài của bạn. + HS khuyết tật: lắng nghe, ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số loại trang phục

a. *Mục tiêu:* Phân loại, kể tên được một số trang phục cơ bản dùng trong đời sống.

b. *Nội dung:* Một số loại trang phục

c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.

d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV: Trang phục đa dạng và phong phú, có thể phân trang phục thành theo giới tính, theo lứa tuổi, theo thời tiết, theo công dụng GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ về các loại trang phục (trang phục nam, trang phục trẻ em..). GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các loại trang phục theo cách phân chia trên. Thời gian thảo luận 2 phút.	II. Một số loại trang phục - Theo giới tính: Trang phục nam, trang phục nữ. - Theo lứa tuổi: Trang phục trẻ em, trang phục thanh niên, trang phục trung niên, trang phục người cao tuổi. - Theo thời tiết: Trang phục mùa nóng, trang phục mùa lạnh. - Theo công dụng: Trang phục mặc thường ngày, trang phục lễ hội, trang phục thể thao, trang phục bảo hộ lao động, trang phục biểu diễn nghệ thuật.

Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và sắp xếp đúng các loại trang phục theo cách phân chia trên. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh.	
Báo cáo, thảo luận	
GV treo sơ đồ câm như sau lên bảng Trang phục <pre> graph TD A[Trang phục] --- B[Theo giới tính] A --- C[Theo lứa tuổi] A --- D[Theo thời tiết] A --- E[Theo công dụng] </pre> GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng tương ứng với từng cách phân chia trang phục. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.+ HS khuyết tật: kể được tên một vài trang phục cơ bản	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu:* củng cố kiến thức về trang phục trong đời sống

b. *Nội dung:* Trang phục trong đời sống

c. Sản phẩm: Hoàn thành được bài tập.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS		Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ		
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Lựa chọn 2 trong 4 tiêu chí phân loại trang phục: Theo thời tiết, theo giới tính, theo công dụng, theo lứa tuổi và phân nhóm các trang phục dưới đây theo tiêu chí trên.		Hoàn thành được bài tập.
		
HS nhận nhiệm vụ.		
Thực hiện nhiệm vụ		
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.		
Báo cáo, thảo luận		
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật: Theo dõi, lắng nghe		
Kết luận và nhận định		

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	
--	--

Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu*: Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. *Nội dung*: Trang phục trong đời sống

c. *Sản phẩm*: Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

d. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Hãy kể tên một số loại trang phục thường mặc của em. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ
- Chuẩn bị bài mới: Sử dụng và bảo quản trang phục

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các loại trang phục sau



A



B



C



D



E



G

H

I

K

Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Nhân vật	Loại trang phục	Vai trò
A		
B		
C		
D		
E		
G		
I		
K		

Tuần 27 Tiết 27	ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II	NS: 17/3/2024
--------------------	------------------------------	---------------

I.MỤC TIÊU

Kiến thức

- Hệ thống lại kiến thức chương 2 bảo quản và chế biến thực phẩm.

Năng lực a) Năng lực công nghệ

- Biết lựa chọn các nguồn tài liệu học tập phù hợp để tìm hiểu thêm về thực phẩm.
- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

b) Năng lực chung

- Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

Phẩm chất

- Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

Đối với giáo viên:

- Các tranh ảnh về thực phẩm
- Video giới thiệu các thực phẩm cần thiết hằng ngày.

Đối với học sinh: Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Mục tiêu: Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

Nội dung: HS nắm vững các nhóm thực phẩm chính và vai trò của các nhóm thực phẩm

Sản phẩm học tập: HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

Tổ chức thực hiện:

- GV chiếu hình ảnh về một số thực phẩm chính và nhắc lại kiến thức.



- Kể tên các nhóm thực phẩm chính đã học

HS quan sát hình ảnh và nêu được các nhóm thực phẩm chính đã học

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC Hoạt động 1 : Một số nhóm thực phẩm chính

Mục tiêu: HS nhắc lại được vai trò của các nhóm chất cần thiết cho cơ thể người và biết được các loại thực phẩm chính cung cấp các nhóm chất đó.

Nội dung: HS thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Khám phá ở trang 22 - SGK, đọc nội dung mục II, quan sát Hình 4.1, thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập ở trang 23 - SGK.

Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời cá nhân/ nhóm được phát biểu.

- Nội dung bài học được ghi lại trong vở ghi: + Vai trò của các nhóm chất.

+ Thực phẩm chính cung cấp các nhóm chất. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:

- GV yêu cầu HS tìm hiểu nội dung mục II trong SGK theo hình thức cá nhân hoặc nhóm và hoàn thành phiếu học tập:

Câu 1: Nhóm chất..... có vai trò

.....

.....đối với cơ thể người.

Câu 2: Chúng ta có thể tìm thấy nhóm

chất..... trong các loại thực phẩm.....

- GV sử dụng hộp chức năng Luyện tập để HS khắc sâu kiến thức. Yêu cầu HS: sắp xếp các thực phẩm trong hình theo các nhóm chất.... **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập** + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung

+ HS khuyết tật: lắng nghe, theo dõi

I. Một số nhóm thực phẩm chính 1. Nhóm thực phẩm giàu tinh bột, đường và chất xơ. - Chất tinh bột, chất đường là nguồn cung cấp năng lượng chủ yếu cho mọi hoạt động của cơ thể. - Chất xơ hỗ trợ cho hệ tiêu hoá. - Nhóm chất này thường có trong ngũ cốc, bánh mì, khoai, sữa, mật ong và trái cây chín.

2. Nhóm thực phẩm giàu chất đạm - Chất đạm (protein) là thành phần dinh dưỡng để cấu trúc cơ thể và giúp cơ thể phát triển tốt.

Những thực phẩm chính cung cấp chất đạm như: thịt nạc, cá, tôm, trứng, sữa, các loại đậu, một số loại hạt như: hạt điều, hạt lạc, hạt vừng.

3. Nhóm thực phẩm giàu chất béo - Chất béo cung cấp năng lượng cho cơ thể, tích trữ dưới da ở dạng lớp mỡ để bảo vệ cơ thể và chuyển hóa một số loại vitamin.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học - Thường thấy ở mỡ động vật, dầu thực vật, bơ.

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức 4. Nhóm thực phẩm giàu vitamin

+ HS ghi chép bài đầy đủ vào vở. - Có vai trò tăng cường hệ miễn dịch, có vai trò chuyển hóa các chất. - Các loại vitamin A,B,C,D,E có trong hầu hết các thực phẩm.

5. Nhóm thực phẩm giàu chất khoáng - Giúp phát triển xương, cơ bắp, cấu tạo hồng cầu,... - Các chất khoáng như sắt, canxi, iot,...

Hoạt động 2: Ăn uống khoa học

Mục tiêu: HS hình thành được thói quen ăn uống khoa học để cơ thể khoẻ mạnh và phát triển một cách toàn diện.

2.Nội dung: HS đọc nội dung mục II, thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập ở trang 25 và hộp chức năng Khám phá ở trang 25 - SGK.

3.Sản phẩm học tập:

- Câu trả lời cá nhân/nhóm được chỉ định phát biểu.

- Nội dung bài học được ghi lại trong vở ghi:

+ Bữa ăn hợp lí.

+ Thói quen ăn uống khoa học.

4. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc mục 11 ở trang 24 - SGK và làm việc cá nhân/nhóm cũng phân tích bữa ăn số 1,2,3 và đưa ra kết luận bữa ăn nào hợp lý? Vì sao?

- Đưa ra khái niệm bữa ăn hợp lý là gì? - Cho biết thói quen ăn uống khoa học là như thế nào?

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

III. Ăn uống hợp lý 1. Bữa ăn hợp lý

- Là bữa ăn có sự kết hợp đa dạng các thực phẩm cần thiết, theo tỉ lệ thích hợp để cung cấp vừa đủ cho nhu cầu của cơ thể về năng lượng và chất dinh dưỡng. **2. Thói quen ăn uống**

khoa học - Thói quen ăn uống khoa học:

+ Ăn đúng bữa

+ Ăn đúng cách

+ Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm + Uống đủ nước.

- + HS trình bày kết quả
 - + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung
- HS khuyết tật: lắng nghe, theo dõi

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức +
- Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học thông qua bài tập.

Nội dung: Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài

tập **Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS DỰ KIẾN SẢN PHẨM Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: 1. Thực phẩm

GV yêu cầu HS: Hệ thống lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy về cách bảo quản và chế biến thực phẩm? - Một số nhóm thực phẩm chính: chất đường bột, chất đạm, chất béo, vitamin, chất khoáng,...

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập - Ăn uống khoa học

+ HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận. thực phẩm

+ GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ. - Bảo quản thực phẩm: đông lạnh và ướp lạnh; sấy khô,

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận - Chế biến thực phẩm:

+ Chế biến thực phẩm không sử dụng nhiệt

+ HS trình bày kết quả

+ GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung + Chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt

HS khuyết tật: lắng nghe, theo dõi 3. Bữa ăn kết nối yêu thương **Bước 4:**

Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Lên thực đơn **học tập** - Tiến hành chế biến.

+ GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức +

Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

Quan sát và kể tên các thực phẩm gia đình em hay sử dụng trong một tuần. Em có nhận xét gì về việc sử dụng thực phẩm của gia đình mình?

Đề xuất một số việc làm để hình thành thói quen ăn uống khoa học cho gia đình của mình.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà hoàn thành nhiệm vụ và báo cáo vào tiết học sau.
- GV tổng kết lại thức cần nhớ của bài học, đánh giá kết quả học tập trong tiết học.
- * Hướng dẫn về nhà: Học kĩ bài để KT giữa kì II

Soạn ngày 12/3/2024 Tuần 28. Tiết 28

KIỂM TRA GIỮA KỲ II

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kiểm tra kiến thức chương 2 bảo quản và chế biến thực phẩm.

2. Năng lực

a) Năng lực công nghệ

- Biết lựa chọn các nguồn thực phẩm, cách chế biến thực phẩm.
- Xác định được và biết tìm hiểu các thông tin liên quan đến vấn đề, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề.

b) Năng lực chung

- Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý cẩn thận trong kiểm tra

3. Phẩm chất

- Có trách nhiệm với bản thân và gia đình về việc lựa chọn, sử dụng, bảo quản và chế biến món ăn.

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HKII

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra giữa kì II môn Công nghệ, lớp 6

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: Kiểm tra giữa kì II
- Thời gian làm bài: 45 phút.
- Hình thức kiểm tra: Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- Cấu trúc: - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, (gồm 10 câu hỏi mức độ nhận biết, mỗi câu 0.5 điểm);

- Phần tự luận: 5,0 điểm gồm 3 câu (Thông hiểu: 1 câu – 2 điểm; Vận dụng: 1 câu 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

Chủ đề	MỨC ĐỘ					
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng	
	TL	TN	TL	TN	TL	TN
1	2	3	4	5	6	7
1. Thực phẩm và dinh dưỡng		4 Câu 1,2,3,4 2.0 đ		1 Câu Câu 5 0,5đ	1 Câu Câu 11 2đ	
2. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm		4 Câu Câu 6,7,8,9 2.0đ	1 câu Câu 12 2.0đ	1 Câu Câu 10 0,5đ		
Số câu		8	1	2	1	
Điểm số		4 điểm	2điểm	1 điểm	2 điểm	
Tổng số điểm	4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm	

b) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt
Thực phẩm và dinh dưỡng		
Thực phẩm và dinh dưỡng	Nhận biết	-Biết được nguồn cung cấp các chất dinh dưỡng -Biết cách ăn uống khoa học -Biết được vai trò của thực phẩm đối với con người - Công dụng của một số Vitamin
	Thông hiểu	- Vai trò và ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm - Hiểu công việc của chuyên gia dinh dưỡng
	Vận dụng thấp	- Hình thành thói quen ăn uống khoa học cho gia đình, tạo bữa ăn hợp lý. - Hiểu được vai trò của Vitamin và nguồn cung cấp Vitamin - Ý nghĩa của chế biến thực phẩm
	Vận dụng cao	Tác hại của việc xem truyền hình trong bữa ăn.
	Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	
2. Phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm	Nhận biết	-Biết được vai trò của bảo quản thực phẩm -Biết được các phương pháp bảo quản thực phẩm - Biết các PP chế biến có sử dụng nhiệt và không sử dụng nhiệt, ưu điểm và hạn chế từng phương pháp.
	Thông hiểu	- Hiểu được việc ăn nhiều món nướng, món rán không tốt cho sức khỏe - Hiểu được các phương pháp chế biến thực phẩm có sử dụng nhiệt - Hiểu được phương pháp trộn, ưu nhược điểm của phương pháp này

c) Đề kiểm tra

(File kèm theo) (//ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ II CÔNG NGHỆ 6- 23-24 co dap an.docx)
TUẦN 29 - TIẾT 29

CÔNG NGHỆ 6 - BÀI: TRANG PHỤC VÀ ĐỜI SỐNG

(Đã gửi lên ở tuần 26)

I. MỤC TIÊU: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình

+ HS khuyết tật lắng nghe và biết lựa chọn trang phục

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được cách lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.
- Sử dụng công nghệ: Lựa chọn được trang phục phù hợp với đặc điểm và sở thích của bản thân, tính chất công việc và điều kiện tài chính của gia đình.

2.2. Năng lực chung - Năng lực tự chủ, tự học.

Tiết 30	BÀI 8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (TIẾT 1)	NS: 9/4/2024
------------	---	--------------

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm
- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống.
- Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên - Phiếu học tập.

Hình ảnh một số bộ trang phục

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm - Học bài cũ.
- Đọc trước bài mới.

III. CHUỖI HOẠT ĐỘNG:

A.HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau  Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp, bền? Mỗi người có thể lựa chọn, sử dụng và bảo quản trang phục của mình như thế nào cho đúng? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe	
Kết luận và nhận định	

GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Để những bộ trang phục luôn bền và đẹp thì phải sử dụng và bảo quản trang phục cho đúng. Vậy làm thế nào để sử dụng và bảo quản cho đúng thì chúng ta vào bài hôm nay	
--	--

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới Nội dung 1. Tìm hiểu cách lựa chọn trang phục

- a. *Mục tiêu:* Lựa chọn được trang phục phù hợp với vóc dáng cơ thể
- b. *Nội dung:* Lựa chọn trang phục
- c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.
- d. *Tổ chức hoạt động*

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu ảnh hưởng của màu sắc, hoa văn đến vóc dáng người mặc	
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV chiếu hình ảnh sau, yêu cầu HS quan sát Hình 5.4. Ảnh hưởng của màu sắc và hoa văn vải đến vóc dáng người mặc Giáo viên phát cho mỗi HS 01 tờ giấy A5. GV yêu cầu HS ghi	I. Lựa chọn trang phục - Màu sắc, hoa văn của trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng của người mặc, làm người mặc có thể béo ra, thấp đi hoặc gầy đi, cao lên.
tên của mình lên góc trên cùng bên trái của tờ giấy. Nhiệm vụ của mỗi HS là trong thời gian 2 phút hoàn thành yêu cầu sau 1.Nhận xét về vóc dáng của người mặc khi sử dụng trang phục có cùng kiểu may nhưng khác màu sắc và hoa văn. <i>HS nhận nhiệm vụ.</i>	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS xem hình ảnh chiếu HS nhận phiếu trả lời, ghi tên lên phiếu. Ghi ý kiến lên phiếu trong thời gian 2 phút. GV yêu cầu HS đổi phiếu cho nhau. HS đổi phiếu cho nhau.+ HS khuyết tật lắng nghe các bạn trình bày	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu HS nhận xét bài làm của bạn. HS nhận xét bài làm của bạn	

Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.	

HS ghi nhớ và ghi nội dung vào trong vở.	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu ảnh hưởng kiểu may đến vóc dáng người mặc	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau	- Kiểu may của trang phục ảnh hưởng đến vóc dáng của người mặc, làm người mặc có thể béo ra, thấp đi hoặc gầy đi, cao lên



? Nhận xét về vóc dáng của người mặc khi sử dụng trang phục có cùng màu sắc nhưng khác kiểu may.
GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên
HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.

Thực hiện nhiệm vụ

HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

+ HS khuyết tật lắng nghe

Kết luận và nhận định

GV nhận xét trình bày của HS.

GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Nhiệm vụ 3. Tìm hiểu lựa chọn trang phục dựa trên hiệu ứng thẩm mỹ

Chuyển giao nhiệm vụ

GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV phát cho mỗi nhóm các phiếu màu có ghi các cụm từ	- Lựa chọn trang phục có
về chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. GV yêu cầu các nhóm sắp xếp đúng các ảnh hưởng của chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. Thời gian thảo luận 2 phút.	chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết làm cho người mặc có cảm giác gầy đi hoặc cao lên; hoặc người mặc có cảm giác béo ra thấp

xuống
Thực hiện nhiệm vụ
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và ảnh hưởng của chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa tiết ảnh hưởng đến vóc dáng người mặc. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.
Báo cáo, thảo luận
GV treo bảng cam như sau lên bảng GV yêu cầu các nhóm lên dán ý kiến của mình lên bảng tương ứng với từng chất liệu, kiểu dáng, màu sắc, đường nét, họa văn ảnh hưởng tới vóc dáng người mặc. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung.+ HS khuyết tật lắng nghe
Kết luận và nhận định
GV nhận xét phần trình bày HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.

Đặc điểm Tạo cảm giác gầy đi cao lên Tạo cảm giác béo ra thấp xuống

Chất liệu

Kiểu dáng

Màu sắc

Đường nét, họa tiết

Nội dung 2. Tìm hiểu cách lựa chọn trang phục phù hợp với lứa tuổi(10')

a. *Mục tiêu:* Lựa chọn được trang phục phù hợp với lứa tuổi

b. *Nội dung:* Lựa chọn trang phục

c. *Sản phẩm:* Bản ghi trên giấy A4. Hoàn thành nhiệm vụ.

d.

Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau



Trang phục người lớn tuổi



Trang phục trẻ em



Trang phục thanh thiếu niên

Hình 7.6. Trang phục của các lứa tuổi khác nhau

- Lựa chọn trang phục dựa trên lứa tuổi.
- Lựa chọn trang phục còn phù hợp điều kiện

Trang phục người lớn tuổi Trang phục trẻ em Trang phục thanh thiếu niên ? Nhận xét về kiểu dáng và màu sắc của mỗi lứa tuổi: Người lớn tuổi, trẻ em; thanh thiếu niên GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	làm việc; sở thích về màu sắc, kiểu dáng trang phục. - Lựa chọn trang phục phù hợp điều kiện tài chính của gia đình.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 3: Luyện tập

a. *Mục tiêu*: củng cố kiến thức về sử dụng và bảo quản trang phục

b. *Nội dung*: Sử dụng và bảo quản trang phục

c. *Sản phẩm*: Hoàn thành được bài tập.

d.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS làm bài tập sau: Bài tập 1. Quan sát hình a, b, c, d dưới đây và cho biết ảnh hưởng	Hoàn thành

của trang phục đến vóc dáng người mặc. Ảnh hưởng của đường nét, họa tiết Ảnh hưởng của kiểu dáng Hình 8.1. Ảnh hưởng của trang phục đến vóc dáng người mặc	được bài tập.
---	--------------------------

Ảnh hưởng của đường nét, họa tiết Ảnh hưởng của kiểu dáng HS nhận nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ
HS tự suy nghĩ và hoàn thành bài tập.
Báo cáo, thảo luận
1-2 HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.
Kết luận và nhận định
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 4: Vận dụng

a. *Mục tiêu:* Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.

b. *Nội dung:* Sử dụng và bảo quản trang phục

c. *Sản phẩm:* Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.

d.

Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Trang phục em mặc hằng ngày đã được phối hợp và sử dụng đúng cách chưa? Em sẽ thay đổi như thế nào trong lựa chọn và sử dụng trang phục của mình. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. * Hướng dẫn về nhà: Tìm hiểu cách sử dụng trang phục	

Soạn ngày 20/4/2024

TUẦN 31(Tiết 32 ôn tập chuyển xuống tuần 31) ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CÔNG NGHỆ 6- HK II

I. Mục tiêu:

1. **Kiến thức** Ôn lại kiến thức đã học từ tuần 19 đến tuần 30

2. **Kỹ năng:** Rèn kỹ năng tư duy, hoạt động độc lập. Kỹ năng tái hiện, vận dụng, tìm tòi.

3. **Phẩm chất:** Biết lắng nghe, giúp đỡ bạn. Yêu quý môn học

II. Nội dung

1. GV chiếu nội dung câu hỏi lên màn hình

2. HS theo dõi câu hỏi

3. HS chọn đáp án bằng hình thức đưa bảng con

4. GV đưa đáp án lên màn hình, HS theo dõi.

A. TRẮC NGHIỆM:

Chọn phương án trả lời đúng nhất và ghi vào giấy bài làm:

Câu 1: Độ bền, độ dày, mỏng của trang phục phụ thuộc vào A. người mặc

B. chất liệu. C. kiểu dáng. D. độ tuổi

Câu 2: Món ăn nào sau đây chứa nhiều dầu mỡ:

A. Luộc. B. Kho. C. Nướng. **D.** Rán

Câu 3: Chất khoáng có vai trò giúp cho sự phát triển

A. Hệ thần kinh B. tế bào
C. da **D.** của xương, hoạt động cơ bắp...

Câu 4: Trang phục có vai trò:

A. Tôn lên vẻ đẹp của người mặc. B. Làm cho người đó thông minh hơn.
C. Giúp người đó làm việc tốt hơn. D. Làm cho người đó mạnh mẽ hơn.

Câu 5: Loại vải có đặc điểm hút ẩm cao, mặc thoáng mát, ít nhăn là:

A. Vải sợi pha. B. Vải sợi tổng hợp.
C. Vải sợi nhân tạo. D. Vải sợi thiên nhiên.

Câu 6. “Nghiên cứu về dinh dưỡng và thực phẩm, tư vấn cho mọi người về lối sống lành mạnh trong ăn uống, giúp cơ thể khỏe mạnh và phát triển toàn diện” là công việc của

Chuyên gia dinh dưỡng B. Nội trợ C. Đầu bếp D. Bác sỹ

Câu 7. Loại vitamin giúp phát triển của hệ xương là:

A. Vitamin E B. Vitamin C
C. Vitamin D D. Vitamin A

Câu 8. Xử lý thực phẩm để tạo ra món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, đa dạng và hấp dẫn gọi là A. bảo quản thực phẩm

B. chế biến thực phẩm

C. sơ chế thực phẩm

D. phương pháp làm chín thực phẩm bằng nhiệt **Câu 9. Nhược điểm của phương pháp kho là:**

A. Thời gian chế biến lâu B. Thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất C. Món ăn nhiều chất béo
D. Một số loại vitamin hòa tan trong nước

Câu 10: Làm chín thực phẩm trong lượng nước sôi gọi là:

Rán B. Trộn C. Kho **D.** Luộc

Câu 11. Trang phục cho biết:

A. Độ tuổi của người mặc. **B.** Thông tin cơ bản như sở thích, nghề nghiệp.
C. Người đã có gia đình hay chưa. D. Trình độ học vấn.

Câu 12. Loại vải bền đẹp, phơi nhanh khô, không nhàu, độ hút ẩm thấp, mặc không thoáng mát là:

- A. Vải sợi tự nhiên. B. Vải sợi nhân tạo.
C. Vải sợi pha. **D. Vải sợi tổng hợp.**

Câu 13. Yếu tố nào được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho trang phục?

- A. Màu sắc. B. Kiểu dáng.
C. Chất liệu. **D. Đường nét, họa tiết.**

Câu 14. Phương pháp bảo quản thực phẩm dưới không 0°C gọi là phương pháp:

- A. Đông lạnh** B. Làm khô.
C. Hút chân không D. Ướp

Câu 15. Thực phẩm nào sau đây giàu chất béo?

- Dầu phụng B. Cà chua C. Trứng D. Thịt bò

Câu 16. Vi ta min có vai trò là:

- Cung cấp chất đạm **B. Tăng cường hệ miễn dịch**
C. Da săn chắc D. Phát triển xương

Câu 17. Loại vitamin làm tăng sức bền của thành mạch máu là:

- A. Vitamin C** B. Vitamin E
C. Vitamin D D. Vitamin A

Câu 18. Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?

- A. Nướng và kho B. Nướng và muối chua
C. Hút chân không D. Trộn hỗn hợp và muối chua

Câu 19. Phương pháp làm bay hơi nước trong thực phẩm, làm chậm sự phát triển của vi khuẩn là phương pháp bảo quản nào?

- Sấy khô B. Ướp đá C. Ngâm đường D. Hút chân không

Câu 20. Phương pháp chế biến chín thực phẩm trực tiếp bằng nhiệt là phương pháp

- A. Luộc B. kho **C. nướng** D. rán

B. TỰ LUẬN:

1. GV đưa câu hỏi, yêu cầu HS suy nghĩ trả lời.

2. HS suy nghĩ trả lời

3. HS báo cáo, HS khác nhận xét, bổ sung

4. GV kết luận, chiếu đáp án lên màn hình

Câu 1. Tư vấn cho bạn em về cách mặc trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ khi nhìn có cảm giác gầy đi, cao lên hoặc béo ra, thấp xuống

Câu 2. Khi giặt quần áo bằng tay em làm như thế nào? Cần lưu ý điều gì?

Câu 3. Khi lựa chọn trang phục chúng ta cần lưu ý điều gì? **Câu 4.** Ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường?

Hướng dẫn học

Câu 11. Bảng 8.1 trang 44 sgk Câu 12. - Khi

giặt quần bằng tay làm như sau:

- + Ngâm quần áo trong nước xà phòng 15-20 phút
- + Dùng bột chà sạch quần áo, xả nhiều lần bằng nước sạch rồi đem phơi. - Cần lưu ý trước khi giặt:
- + Quần áo vải có màu không giặt chung với đồ có màu trắng.
- + Lấy hết đồ dùng ra khỏi túi quần, áo.

Câu 13. Khi lựa chọn trang phục chúng ta cần lưu ý:

- + Dựa trên lứa tuổi.
- + Mục đích sử dụng, điều kiện làm việc, sinh hoạt.
- + Sở thích về màu sắc, kiểu dáng.
- + Điều kiện về tài chính.

Câu 14. Ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường (Tự trả lời)

+Nhắc nhở: Chuẩn bị kiểm tra học kỳ vào tuần 32

Tuần 32.

Tiết 32: KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II

I/ Mục tiêu:

1. Kiến thức: Kiểm tra kiến thức học sinh qua các bài 5, 6, 7, 8
HS khuyết tật trả lời được 4/10 câu trắc nghiệm. Kể được việc gặt đồ bằng tay, lưu ý trước khi giặt
2. Kỹ năng: Kỹ năng tái hiện, tổng hợp kiến thức
3. Thái độ: Trung thực, nghiêm túc trong kiểm tra

UBND HUYỆN NÚI THÀNH

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-

2024

TRƯỜNG THCS CHU VĂN AN

Môn: Công nghệ 6. Thời gian: 45 phút

MA TRẬN, BẢN ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI KÌ

II

1. Khung ma trận và đặc tả đề kiểm tra cuối kì II môn Công nghệ, lớp 6 a)

Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối kì II - Thời gian làm bài: 45 phút.*
- **Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*
- **Cấu trúc:** - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
- Phần trắc nghiệm: 5,0 điểm, (gồm 10 câu hỏi mức độ nhận biết, mỗi câu 0.5điểm); - Phần tự luận: 5,0 điểm gồm 3 câu (Thông hiểu: 1 câu – 2 điểm; Vận dụng: 1 câu 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Câu TN/T L	
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		Điểm số	
	TL	TN	TL	TN	TL	T N	TL	TN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM		5câu Câu 4,5,7, 8, 10 2,5 đ		2 câu Câu 6, 9 1 đ					7 câu TN 3,5 đ	

TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG		3 Câu Câu 1, 2, 3 1,5đ	1 câu Câu 11 2.0đ		1 câu Câu 12 2.0đ		1 Câu Câu 13 1.0 đ		3 câu TN 1,5 đ 3 câu TL 5 đ	
Số câu		8	1	2	1		1		13	
Điểm số		4 đ	2đ	1 đ	2 đ		1 đ		10	
Tổng số điểm	4,0 đ		3,0 đ		2,0 đ		1,0 đ		10 đ	

b) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN	Câu hỏi	
-----------------	---------------	------------------------	--------------------------------------	----------------	--

			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)	
PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM							

PHƯƠNG PHÁP BẢO QUẢN VÀ CHẾ BIẾN THỰC PHẨM	Nhận biết	-Biết được những món ăn có chứa nhiều dầu mỡ - Biết chất khoáng có vai trò phát triển xương và hoạt động cơ bắp. -Biết vai trò của một số Vitamin. khái niệm chế biến thực phẩm. - Biết được phương pháp luộc. kho nướng. - Biết các bảo quản thực phẩm		5		Câu 4, 5, 7, 8, 10	
	Thông hiểu	- Hiểu được công việc của chuyên gia dinh dưỡng - Hiểu được nhược điểm của phương pháp kho - Hiểu được phương pháp sấy thực phẩm		2		Câu 6, 9	
	Vận dụng thấp						
	Vận dụng cao						
	TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG						

TRANG PHỤC VÀ THỜI TRANG	Nhận biết	-Biết được vai trò của trang phục - Biết đặc điểm của các loại vải, biết chọn trang phục điếm và hạn chế từng phương pháp.		3		Câu 1, 2, 3	
	Thông hiểu	- Hiểu được cách mặc trang phục để giúp bạn có cảm giác gây đi, cao lên hoặc béo ra, thấp xuống.	1		Câu 11		
	Vận dụng	- Vận dụng hiểu biết trình bày được cách giặt quần áo bàn tay và lưu ý trước khi giặt. Vận dụng lựa chọn trang phục cho bản thân	1		Câu 12		
	Vận dụng cao	Học sinh liên hệ thực tế bản thân và cho biết ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường.	1		Câu 13		

c) Đề kiểm tra

UBND HUYỆN NÚI THÀNH _____TRƯỜNG

THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Công nghệ 6

Thời gian làm bài: 45 phút (Không kể thời gian giao đề)

MÃ ĐỀ: A

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): *Chọn phương án trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.*

Câu 1. Trang phục có vai trò:

A. Tôn lên vẻ đẹp của người mặc. B. Làm cho người mặc thông minh hơn.

C. Giúp người mặc làm việc tốt hơn. D. Làm cho người mặc mạnh mẽ hơn.

Câu 2. Loại vải có đặc điểm hút ẩm cao, mặc thoáng mát, ít nhàu là

A. vãi sợi pha.

B. vài sợi tổng hợp.

C. vải sợi nhân tạo.

D. vãi sợi thiên nhiên.

Câu 3. Độ bền, độ dày, mỏng của trang phục phụ thuộc vào A.

người mặc B. chất liệu. C. kiểu dáng. D. độ tuổi.

Câu 4. Món ăn nào sau đây chứa nhiều dầu mỡ?

A. Luộc.

B. Kho.

C. Nướng. D. Rán

Câu 5. Chất khoáng có vai trò giúp cho sự phát triển

A. hệ thần kinh

B. tế bào

C. da

D. của xương, hoạt động cơ bắp...

Câu 6. “Nghiên cứu về dinh dưỡng và thực phẩm, tư vấn cho mọi người về lối sống lành mạnh trong ăn uống, giúp cơ thể khỏe mạnh và phát triển toàn diện” là công việc của

A. chuyên gia dinh dưỡng
bác sỹ

B. nội trợ

C. đầu bếp

D.

Câu 7. Loại vitamin giúp phát triển của hệ xương là:

A. Vitamin E

B. Vitamin C

C. Vitamin D

D. Vitamin A

Câu 8. Xử lý thực phẩm để tạo ra món ăn đầy đủ chất dinh dưỡng, đa dạng và hấp dẫn gọi là

A. bảo quản thực phẩm

B. chế biến thực phẩm

C. sơ chế thực phẩm

D. phương pháp làm chín thực phẩm bằng nhiệt

Câu 9. Nhược điểm của phương pháp kho là:

A. Thời gian chế biến lâu

B. Thực phẩm dễ bị cháy, gây biến chất

C. Món ăn nhiều chất béo

D. Một số loại vitamin hòa tan trong nước

Câu 10. Làm chín thực phẩm trong lượng nước sôi gọi là:

Rán B. Trộn

C. Kho

D. Luộc

II. TỰ LUẬN (5.0 điểm):

Câu 11 (2,0 điểm). Tư vấn cho bạn em về cách mặc trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ khi nhìn có cảm giác gầy đi, cao lên.

Câu 12 (2.0 điểm). Khi giặt quần áo bằng tay em làm như thế nào? Cần lưu ý điều gì trước khi giặt?

Câu 13 (1,0 điểm). Nêu ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường?

----- HẾT -----

(Lưu ý: HS làm bài trên giấy thi, không được làm bài trên đề thi)

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ A

I. TRẮC NGHIỆM: 5.0 điểm.

1 câu đúng tính 0,5đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.A	A	C	B	D	D	A	C	B	A	D

II. TỰ LUẬN: 5.0 điểm

Câu 11. (2.0đ)

Tư vấn cho bạn em về cách mặc trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ khi nhìn có cảm giác *gầy đi, cao lên*:

- + Chọn chất liệu vải mềm mỏng mịn. (0,5đ)
- + Kiểu dáng vừa sát cơ thể có đường nét chính dọc thân áo. (0,5đ)
- + Màu tối sẫm. (0,5đ)
- + Đường nét, họa tiết: Kẻ dọc, hoa nhỏ. (0,5đ)

Câu 12.(2.0đ)

- Khi giặt quần bằng tay áo làm như sau:

- + Ngâm quần áo trong nước xà phòng 15-20 phút (0,5đ)
- + Dùng bọt chà sạch quần áo, xả nhiều lần bằng nước sạch rồi đem phơi. (0,5đ)

- Cần lưu ý trước khi giặt:

- + Quần áo vải có màu không giặt chung với đồ có màu trắng. (0,5đ)
- + Lấy hết đồ dùng ra khỏi túi quần, áo. (0,5đ)

Câu 13. Ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường

- + Tạo sự trang trọng, lịch sự, thể hiện nét văn hóa, làm đẹp trường, lớp. (0,5đ)
- + Không phân biệt đối xử, gắn kết tình bạn, tạo môi trường giáo dục lành mạnh.(0,5đ)

UBND HUYỆN NÚI THÀNH _____TRƯỜNG
THCS CHU VĂN AN

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ II NĂM HỌC 2023-2024 Môn: Công nghệ 6
MÃ ĐỀ: B

Thời gian làm bài: 45 phút (không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (5,0 điểm): Chọn phương án trả lời đúng và ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Trang phục cho biết

- A. độ tuổi của người mặc. B. thông tin cơ bản như sở thích, nghề nghiệp.
C. người đã có gia đình hay chưa. D. trình độ học vấn.

Câu 2. Loại vải bền đẹp, phơi nhanh khô, không nhàu, độ hút ẩm thấp, mặc không thoáng mát là:

- A. Vải sợi tự nhiên. B. Vải sợi nhân tạo.
C. Vải sợi pha. D. Vải sợi tổng hợp.

Câu 3. Yếu tố nào được dùng để trang trí, làm tăng vẻ đẹp và tạo hiệu ứng thẩm mỹ cho trang phục?

- A. Màu sắc. B. Kiểu dáng.
C. Chất liệu. D. Đường nét, họa tiết.

Câu 4. Phương pháp bảo quản thực phẩm dưới không 0°C gọi là phương pháp:

- A. Đông lạnh B. Làm khô.
C. Hút chân không D. Ướp

Câu 5. Thực phẩm nào sau đây giàu chất béo?

- Dầu phụng B. Cà chua C. Trứng D. Thịt bò

Câu 6. Vitamin có vai trò là:

- Cung cấp chất đạm B. Tăng cường hệ miễn dịch
C. Da săn chắc D. Phát triển xương

Câu 7. Loại vitamin làm tăng sức bền của thành mạch máu là:

- A. Vitamin C B. Vitamin E

C. Vitamin D

D. Vitamin A

Câu 8. Phương pháp nào sau đây là phương pháp bảo quản thực phẩm?

A. Nướng và kho

B. Nướng và muối chua

C. Hút chân không

D. Trộn hỗn hợp và muối chua

Câu 9. Phương pháp làm bay hơi nước trong thực phẩm, làm chậm sự phát triển của vi khuẩn là phương pháp bảo quản nào?

A. Sấy khô

B. Ướp đá

C. Ngâm đường

D. Hút chân không

Câu 10. Phương pháp chế biến chín thực phẩm trực tiếp bằng nhiệt là phương pháp

luộc

B. kho

C. nướng

D. rán

II. TỰ LUẬN: (5,0 điểm)

Câu 11 (2.0 điểm). Tư vấn cho bạn em về cách mặc trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ khi nhìn có cảm giác béo ra, thấp xuống?

Câu 12 (2.0 điểm). Khi lựa chọn trang phục chúng ta cần lưu ý điều gì?

Câu 13 (1.0 điểm). Nêu ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường?

----- HẾT -----

(Lưu ý: HS làm bài trên giấy thi, không được làm bài trên đề thi)

HƯỚNG DẪN CHẤM MÃ ĐỀ B

I. TRẮC NGHIỆM: 5.0 điểm.

1 câu đúng tính 0,5đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đ.A	B	D	D	A	A	B	A	C	A	C

II. TỰ LUẬN: (5.0 điểm)

Câu 11: (2.0đ). Tư vấn cho bạn em về cách mặc trang phục và hiệu ứng thẩm mỹ khi nhìn có cảm giác *béo ra, thấp xuống*:

- Chất liệu: vải cứng dày dặn hoặc mềm vừa phải. (0,5đ)
- Kiểu dáng: kiểu thùng có đường nét chính ngang thân áo, tay bông có bèo. (0,5đ)
- Màu sắc: màu sáng. (0,5đ)
- Đường nét, họa tiết. Kẻ ngang kẻ ô vuông hoa to. (0,5đ)

Câu 12.(2.0đ) Khi lựa chọn trang phục chúng ta cần lưu ý:

- + Dựa trên lứa tuổi. (0,5đ)
- + Mục đích sử dụng, điều kiện làm việc, sinh hoạt. (0,5đ)
- + Sở thích về màu sắc, kiểu dáng. (0,5đ)
- + Điều kiện về tài chính. (0,5đ)

Câu 13. Ý nghĩa của việc mặc trang phục học sinh khi đến trường

- + Tạo sự trang trọng, lịch sự, thể hiện nét văn hóa, làm đẹp trường, lớp. (0,5đ)
- + Không phân biệt đối xử, gắn kết tình bạn, tạo môi trường giáo dục lành mạnh.(0,5đ)

Tiết 34	33+	BÀI 8. SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN TRANG PHỤC (TIẾT 2, 3)	NS: 27/4/2024
------------	-----	--	---------------

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC: Sau bài học này học sinh phải:

1. Kiến thức

- Sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng

+ HS khuyết tật: Biết sử dụng và bảo quản trang phục

2. Năng lực

2.1. Năng lực công nghệ

- Nhận thức công nghệ: Nhận biết được quy trình sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng.

- Sử dụng công nghệ: Sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng

2.2. Năng lực chung -

Năng lực tự chủ, tự học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết sử dụng thông tin để trình bày, thảo luận các vấn đề liên quan đến sử dụng và bảo quản trang phục, lắng nghe và phản hồi tích cực trong quá trình hoạt động nhóm

- Năng lực giải quyết vấn đề: Giải quyết được các tình huống đặt ra.

3. Phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý thức vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống. -

Trách nhiệm: Tích cực trong các hoạt động.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên

- Hình ảnh một số loại trang phục

2. Chuẩn bị của HS

- Dụng cụ học tập phục vụ cho quá trình hoạt động nhóm

III. CHUỖI HOẠT ĐỘNG:

Hoạt động 1: Hoạt động khởi động a. Mục

tiêu: Dẫn dắt vào bài mới

b. Nội dung: Giới thiệu nội dung bài học

c. Sản phẩm: Hoàn thành nhiệm vụ.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau  Làm thế nào để có những bộ trang phục đẹp, bền? Mỗi người có thể sử dụng của mình như thế nào cho đúng? GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	Hoàn thành nhiệm vụ.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	

Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.	

Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. GV dẫn dắt vào bài mới: Để những bộ trang phục luôn bền và đẹp thì phải sử dụng cho đúng. Vậy làm thế nào để sử dụng cho đúng thì chúng ta vào bài hôm nay. HS định hình nhiệm vụ học tập.

Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới
dung 2. Tìm hiểu cách sử dụng trang phục

- a. *Mục tiêu*: Sử dụng được một số loại hình trang phục thông dụng
b. *Nội dung*: Cách sử dụng trang phục
c. *Sản phẩm*: Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV chia lớp thành các nhóm (8HS/1 nhóm) GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, hoàn thành nội dung PHT 1	II. Cách sử dụng trang phục 1. Cách sử dụng trang phục -Tuỳ theo hoạt động, thời điểm và hoàn cảnh xã hội, cần sử dụng các bộ trang phục khác nhau. - Trang phục để sử dụng cho một số hoạt động chủ yếu + <i>Trang phục đi học</i>: có kiểu dáng đơn giản, gọn gàng, dễ mặc, dễ hoạt động; có màu sắc hài hoà; thường được may từ vải sợi pha. + <i>Trang phục lao động</i>: có kiểu dáng đơn giản, rộng, dễ hoạt động; có màu sắc sẫm màu; thường được may từ vải sợi bông. + <i>Trang phục dự lễ hội</i>: có kiểu dáng đẹp, trang trọng; có thể là trang phục truyền thống, tùy thuộc vào tính chất lễ hội.
	+ <i>Trang phục mặc ở nhà</i>: có kiểu dáng đơn giản, thoải mái; thường được may từ vải sợi thiên nhiên.
Thực hiện nhiệm vụ	
HS nhận nhóm, phân chia nhiệm vụ thành viên, tiến hành thảo luận nhóm và hoàn thành yêu cầu của GV. GV theo dõi và giúp đỡ các nhóm học sinh khi gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày ý kiến của nhóm mình. Nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	

GV nhận xét phân trình bày HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS nghe và ghi nhớ, ghi nội dung vào vở.

Nội dung 2. Tìm hiểu cách phối hợp trang phục

- a. *Mục tiêu*: Phối hợp được một số loại hình trang phục thông dụng
b. *Nội dung*: Cách phối hợp trang phục
c. *Sản phẩm*: Báo cáo hoạt động nhóm.

d. Tổ chức hoạt động

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1. Tìm hiểu cách phối hợp về họa tiết	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh về một số trang phục như sau 	2. Cách phối hợp trang phục - <i>Phối hợp về họa tiết</i>: Vải hoa hợp với vải trơn có màu trùng với một trong các màu chính của vải hoa. Không nên mặc áo và quần có hai dạng họa tiết khác nhau.
? Nhận xét về sự phối hợp họa tiết của trang phục a, b, c GV yêu cầu HS trong cùng một bàn thảo luận trong thời gian 2 phút và trả lời câu hỏi trên HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS quan sát, trao đổi nhóm cặp bàn, và trả lời câu hỏi trên. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	

Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ	
Nhiệm vụ 2. Tìm hiểu về cách phối hợp màu sắc của trang phục	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV đưa ra hình ảnh sau	2.Cách phối hợp trang phục - <i>Phối hợp về màu sắc:</i> + Sử dụng một màu hoặc kết hợp các sắc độ trong cùng một màu. + Kết hợp nhiều màu với nhau như: màu đối nhau, các màu cạnh nhau,... trên vòng màu cơ bản. + Màu trắng hoặc màu đen có thể kết hợp với bất kì màu nào.
 Hình 7.8. Cách phối hợp màu sắc của trang phục	
GV phát giấy màu A4 cho các nhóm(mỗi nhóm là một màu), yêu cầu các nhóm ghi ý kiến của nhóm mình về cách phối màu sắc quần và áo ở trang phục a, b, c, d dựa trên vòng tròn màu HS quan sát và tiếp nhận nhiệm vụ.	
Thực hiện nhiệm vụ	

HS nhận giấy A4, nhận nhóm, phân công nhiệm vụ trong nhóm, tiến hành thảo luận và ghi ý kiến về cách phối màu sắc quần và áo ở trang phục a, b, c, d dựa trên vòng tròn màu lên giấy A4 GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn
Báo cáo, thảo luận
GV kẻ một phần bảng thành bốn phần tương ứng với trang phục a, b, c, d. GV yêu cầu đại diện nhóm lên dán ý kiến của mình trên bảng. Đại diện của nhóm lên dán ý kiến của nhóm mình lên bảng. GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ
Kết luận và nhận định
GV nhận xét trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức.

HS nghe và ghi nhớ.

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu: ***Củng cố kiến thức về sử dụng và bảo quản trang phục***

b. Nội dung: ***Sử dụng và bảo quản trang phục***

c. Sản phẩm: ***Hoàn thành được bài tập.***

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
1.1. Phối hợp về họa tiết	
Chuyển giao nhiệm vụ	
GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau Bài tập 2: Quan sát trang phục ở hình a, b, c và nêu sự phù hợp về họa tiết của các bộ trang phục và đưa ra phương án thay đổi nếu cần.	Hoàn thành bài tập



GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.

Thực hiện nhiệm vụ

HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập.
GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.

Báo cáo, thảo luận

GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.
Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung.

Kết luận và nhận định

GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS.
GV chốt lại kiến thức.
HS nghe và ghi nhớ. + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ

2.2. Phối hợp về màu sắc

Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu HS hoàn thành bài tập sau
Bài tập 3: Các bộ trang phục ở hình dưới đây được phối hợp màu theo nguyên tắc nào

Hoàn
thành
bài
tập

 GV yêu cầu HS cùng bàn, trao đổi thảo luận và hoàn thành bài tập trong thời gian 2 phút.	
Thực hiện nhiệm vụ	
HS cùng bàn trao đổi, thảo luận và hoàn thành bài tập. GV theo dõi, giúp đỡ HS gặp khó khăn.	
Báo cáo, thảo luận	
GV yêu cầu đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nhận xét và bổ sung. + HS khuyết tật lắng nghe ghi nhớ	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV chốt lại kiến thức. HS nghe và ghi nhớ.	

Hoạt động 4: Vận dụng

- Mục tiêu: **Mở rộng kiến thức vào thực tiễn.**
- Nội dung: **Sử dụng và bảo quản trang phục**
- Sản phẩm: **Hoàn thành nhiệm vụ. Bản ghi trên giấy A4.**
- Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung cần đạt
Chuyển giao nhiệm vụ	

GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành yêu cầu sau: 1. Đề xuất phương án bảo quản các loại trang phục trong gia đình em. Ghi trên giấy A4. Giờ sau nộp lại cho GV.	Bản ghi trên giấy A4
Thực hiện nhiệm vụ	
HS thực hiện nhiệm vụ của GV tại nhà	
Báo cáo, thảo luận	
HS trình bày kết quả của mình, HS khác nhận xét và bổ sung.	
Kết luận và nhận định	
GV nhận xét, đánh giá trình bày của HS. GV khen bạn có kết quả tốt nhất. HS nghe và ghi nhớ.	

PHỤ LỤC 1. Phiếu học tập 1.

Cho các loại trang phục sau



Em hãy hoàn thành nội dung bảng sau

Trang phục	Kiểu may	Màu sắc	Chất liệu vải
Trang phục đi học			
Trang phục lao động			
Trang phục lễ hội			
Trang phục mặc ở nhà			

*Hướng dẫn về nhà:

- Học bài cũ
- Ôn lại các kiến thức đã học. Kiểm tra cuối học kỳ II

TUẦN 35

TIẾT 35. BÀI 9: THỜI TRANG

1. MỤC TIÊU

2. Kiến thức

- Phát biểu được khái niệm thời trang.
- Kể tên được các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang.
- Chỉ ra được những đặc điểm thể hiện sự thay đổi của thời trang.
- Mô tả được đặc điểm của trang phục trong một số phong cách thời trang cơ bản.
- Nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.

HS Khuyết tật kể được một vài thời trang hiện tại

2. Năng lực

3. a) Năng lực công nghệ

- Biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong khi thực hiện các nhiệm vụ học tập.
- Nhận ra và điều chỉnh được những sai sót, hạn chế của bản thân khi được góp ý; chủ động tìm kiếm sự hỗ trợ của người khác khi gặp khó khăn trong học tập.
- Hiểu rõ nhiệm vụ của nhóm; biết chủ động và gương mẫu hoàn thành phần việc được giao, góp ý điều chỉnh thúc đẩy hoạt động chung; khiêm tốn học hỏi các thành viên trong nhóm khi hoạt động nhóm.

1. b) Năng lực chung

- Tự học, giải quyết vấn đề, tư duy, tự quản lý, hợp tác, trao đổi nhóm.

3. Phẩm chất

- Tích cực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn sử dụng trang phục.
- Thích tìm hiểu thông tin để mở rộng hiểu biết.

1. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

2. Đối với giáo viên:

- Các tranh ảnh thể hiện một số phong cách thời trang.

2. **Đối với học sinh:** Sgk, dụng cụ học tập, đọc bài trước theo sự hướng dẫn của giáo viên.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU (HOẠT ĐỘNG DẪN NHẬP)

2. **Mục tiêu:** Tạo tâm thế hứng thú cho học sinh và từng bước làm quen bài học.

3. **Nội dung:** HS trả lời được câu hỏi gọi tên các bộ trang phục của Việt Nam và cho biết các giai đoạn sử dụng phổ biến các bộ trang phục đó dựa vào kiến thức thực tiễn.

4. **Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

5. **Tổ chức thực hiện:**

- GV đưa ra hình ảnh một số bộ trang phục ở Việt Nam qua các thời kì, yêu cầu HS gọi tên các bộ trang phục đó (ví dụ như áo ngũ thân, áo tứ thân, áo dài,...). GV giúp HS thấy được trang phục có sự thay đổi qua mỗi thời kì. Từ đó, định hướng học sinh vào bài qua câu hỏi mở đầu.

- HS xem tranh, tiếp nhận câu hỏi và nêu lên suy nghĩ của bản thân

- GV đặt vấn đề: Thế nào là mặc trang phục phù hợp? Phong cách thời trang là gì và có những phong cách thời trang nào thường thấy trong cuộc sống? Để tìm hiểu kĩ hơn, chúng ta cùng đến với **bài 9: Trang phục**.

1. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1 : Thời trang trong cuộc sống

1. **Mục tiêu:** Phát biểu được khái niệm về thời trang, các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang, biểu hiện của sự thay đổi thời trang.

2. **Nội dung:** HS trả lời được câu hỏi thế nào là thời trang, thời trang thay đổi được thể hiện như thế nào và ghi vào vở dựa trên việc đọc SGK và thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Khám phá (trang 51 SGK); đọc SGK để trả lời câu hỏi xác định các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang

3. **Sản phẩm học tập:** báo cáo của HS.

4. **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: I. Thời trang trong cuộc sống

- GV yêu cầu HS quan sát Hình 9.1, thảo luận và - Thời trang thay đổi do ảnh hưởng của đưa ra nhận xét về đặc điểm của các bộ trang phục các yếu tố như văn hoá, xã hội, kinh tế, sự đó. Từ đó, kết hợp với đọc SGK, đưa ra khái niệm phát triển của khoa học về thời trang. và công nghệ,... Sự thay đổi của thời trang - GV định hướng HS chỉ ra sự thay đổi của thời được thể hiện qua kiểu dáng, chất liệu, trang được thể hiện như thế nào? màu sắc, đường nét và hoạ tiết,... của trang phục.
- GV có thể sử dụng thêm hình ảnh trang phục Việt Nam và châu Âu thế kỉ XIX với

trang phục Việt Nam và châu Âu hiện nay, để HS thảo luận, thấy được điểm khác biệt về thời trang giữa các nước ở thế kỉ XIX và thời trang giữa các nước hiện nay. Từ đó, đưa ra được đặc điểm chung về thời trang của cả thế giới hiện nay: đa dạng, phong phú về kiểu dáng, màu sắc, chất liệu, hoạ tiết; đơn giản, dễ hoạt động hơn so với trang phục các thế hệ trước.

- GV yêu cầu HS đọc SGK để đưa ra các yếu tố ảnh hưởng đến thời trang.

Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- + HS nghe GV giảng bài, tiếp nhận câu hỏi và tiến hành thảo luận.
- + GV quan sát, hướng dẫn khi học sinh cần sự giúp đỡ.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

- + HS trình bày kết quả
- + GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung
- + **HS khuyết tật lắng nghe**

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- + GV đánh giá, nhận xét, chuẩn kiến thức + Hs ghi chép bài đầy đủ vào vở.

Hoạt động 2: Một số phong cách thời trang

1. Mục tiêu:

- Mô tả được đặc điểm của một số phong cách thời trang cơ bản.
- Nhận ra và bước đầu hình thành xu hướng thời trang của bản thân.
 1. **Nội dung:** HS đọc SGK, thảo luận nhóm để hoàn thiện bảng so sánh về đặc điểm, ứng dụng của bốn phong cách thời trang cơ bản; thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Luyện tập (trang 52 SGK) để xác định được trang phục tương ứng với mỗi loại phong cách thời trang đó. HS thực hiện nhiệm vụ trong hộp chức năng Kết nối năng lực (trang 52 SGK) để tìm hiểu thêm các phong cách thời trang phổ biến hiện nay và lựa chọn phong cách em yêu thích.
 2. **Sản phẩm học tập:** Bản ghi chép của HS/nhóm HS.
 3. GV Chiếu vi deo về thời trang, học sinh quan sát

